

LAN KHAI

MỰC MÀI NƯỚC MẮT



Mục môi nước mắt

Lan Khai

mực mài nước mắt

Lan Khai

Bìa: *NXB Đời Mới*

Nguồn: *Thư viện Tiểu Lùn*

mực mài nước mắt

LAN KHAI

ĐỜI MỚI

xuất bản - Hanoi 1941

CHƯƠNG 1

Đêm nào cũng như đêm nào, những tiếng ồn ã đặc biệt của cái phố Hàng Bún thực tình chỉ có đâu một lúc về mãi gần sáng, khoảng từ ba giờ là bắt đầu xe điện chạy. Là bởi, một đằng thì bọn gái trắng hoa nổi vào cuộc mưu sống ban ngày của các hạng người trở dậy làm việc cho cơm áo, một đằng thì các người say, dừng mớ, hát như bò rống; các phu xe bị xử ức, kêu võ lở; các hàng “dày dờ”, các hàng “cà phê bánh tây” đưa rao ời ời, nhất là tụi “ma cô”, những

quân ngay lưng sống bám vào ghế mãi dâm chẳng khác đàn ruồi xúm quanh mụn sâu quảng, chúng quần tam tứ ngũ bên các cột đèn để vừa săn khách chơi vừa bóc lột lẫn nhau bằng cây bài nước bạc, vừa chửi nhau, vừa văng đếu, hoặc đang yên đang lành bỗng gân cổ kêu “Trời đất ơ... ời!” bằng một thứ giọng Sài Gòn giả hiệu.

Ấy, một đêm giữa tháng Chạp kia, dân cái phố xép nọ vừa được chút yên lặng thì Nguyễn Khải bị một cơn ho dưng dậy. Nhà văn trẻ tuổi này đeo đẳng cái chứng suyễn đã hơn mười năm trời, chỉ vì không bao giờ chàng lợi ra được lấy một số tiền mà thuốc thang cho đến nơi đến chốn. Và, cứ mỗi mùa đông lại, hoặc phải khi mưa nắng thành linh, chàng thường bị những cơn đau sống dở, chết dở.

Khải nằm lần này rờn rã hơn hai tháng; về công việc viết lách, chàng không làm nẩy ra một đồng một chữ gọi là cho có. Kim, vợ chàng đành xoay xoa giật mượn các chỗ quen biết để chi tiêu hàng ngày. Những sự phiền lụy lặt vặt rất dễ khiến người ta bị ghét bỏ và mất thể diện này đủ sao được cho những thiếu thốn của một gia đình gồm bốn đứa trẻ, một người ốm, một người đàn bà không nghề, không vốn, và một thằng nhỏ. Rốt cuộc, nợ cũ chỉ chồng chất thêm nợ mới; những câu cục cằn, những lời bĩ thủ văng lên như ong. Đời sống gia đình Khải thành ra một chuỗi dài hoảng hốt và lo sợ. Hơi có tiếng chân người lên thang hoặc bất kỳ ở đâu ai nói lớn, Khải đã giật mình, vội sắp xếp câu van khất. Chàng luôn luôn tự hỏi: “Làm cách nào cho ra tiền?” để càng thấy quẩn bách hơn lên. Cả những lúc mệt quá ngủ chợp đi, Khải

cũng vẫn thường bị các mộng ảnh ghé
gớm, các hoảng hốt bất thần, ấy là chưa
kể các cơn ho nó dựng phất dậy.

Khải vớ tấm chăn ấp lên ngực, chàng
cố nhin song toàn thân chàng cứ bị giật
bắn lên từng trận. Từ đây, một bên phổi
chàng phát ra những tiếng khò khè bực
tức, nó làm Kim đương ngủ say cạnh
chồng, cũng phải thức giấc. Nàng chép
miệng: “Cứ thế này mãi thì làm ăn ra
làm sao, hờ trời”. Khải giơ tay ý bảo vợ
cứ nằm yên mà nghỉ. Kim đã thức nhiều
quá, nàng cũng ồm nốt thì rầy to! Đoạn,
chàng ngửa mặt, há miệng, cổ thở như
người gần chết đuối.

Kim với hộp thuốc cuốn “Abys-
sinie” để trên góc cái bàn kê ngay trước
giường – bàn viết của Khải. Đó là thứ
thuốc rẻ tiền nhất, và nó chỉ đỡ được tạm
thời. Nhưng Khải đã dùng đi dùng lại

nhiều lần nên thuốc chẳng có công hiệu như lúc mới. Chàng nể lòng vợ, cầm lấy điều thuốc nàng vừa châm sẵn đưa cho, rít mấy hơi rồi vứt bỏ.

Ở giường bên, thằng con út của hai người cất tiếng khóc, Khải hất hàm bảo vợ:

– Xem... kéo nó... ngã...

Kim đứng xuống sàn; một tay vắt nước mũi.

Đồng hồ nhà ai văng vẳng gõ bốn tiếng...

– Khàn đâu?

Khàn là tên thằng bé ở.

– Mợ gọi nó dậy đun nước... uống và... sắp sửa cho trẻ... thì vừa!

Kim ngừng si con gái.

– Dương thử thì nói làm gì cho mệt. Mới bốn giờ, bảy rưỡi xe mới chạy, còn sớm chán...

Những câu hai vợ chồng vừa nói đều ám chỉ ông cụ lang Xuân Hòa – thân phụ Khải – nhất định sớm hôm sau, sẽ bắt cả bốn thằng con Khải về quê ăn Tết. Vì chỗ Khải thuê chật chội quá, cụ lang phải ngủ trọ ở nhà một người quen, nhưng thể nào cụ chẳng sắp lại để ông cháu kịp ra chuyển xe chạy Tuyên Quang, nơi quê hương năm đời của họ Nguyễn.

Cụ xuôi về một hôm cốt đón lũ cháu, rồi lại ngược ngay, tỏ ra cụ giận Khải lắm, tuy không thềm nói. Chàng hiểu như vậy, và còn biết thêm rằng cái cảnh khốn đốn của chàng lúc này đã được cụ lang coi như một thứ báo ứng.

Hai thế hệ đã cách biệt nhau, đến nỗi cha có thể oán ghét con trong khi con yên trí mình vô tội. Chẳng hạn, dưới mắt cụ lang, Khải hoàn toàn là một thằng con ích kỷ và bội bạc. Ấy là cụ ngờ Khải làm hái ra tiền nhưng chỉ biết sung sướng với vợ con, chứ không đoái hoài chi đến bố. Chẳng vậy thì sao, luôn hai cái Tết, Khải đã không về quê, trước là để dự một phần vào việc viếng thăm phần mộ tổ tiên, hương khói bàn thờ ông vải, sau là họp mặt cùng cha, cho vui cửa vui nhà?

Sự vắng mặt kéo dài của đứa con một và lũ cháu trong cái gia đình ông nhà nho kiêm thủ chỉ một làng ấy, đã như gài vào thói quen tò mò của xóm mạc, và đã cho những mồm ong miệng rắn một dịp bàn tán xôn xao. Khải vắng mặt, biết đấy là đâu! Chung quy, chỉ mình cụ lang là ức; đã buồn vì nỗi ba ngày Tết đến trơ

trội một thân trong mấy gian nhà trống rỗng, cụ lang còn cứ phải gượng làm ra mặt tự nhiên mỗi khi không thể tránh trả lời những câu vờ sẵn đón để bới móc của những quân độc bụng, nhất là của mấy thằng nhãi ranh trong hàng cháu nội ngoại, chúng lợi dụng sự đến mừng tuổi để khoe khoang về cái giàu sang tôi đòi và ăn cắp của chúng, sau khi đã tỏ cho ông cụ thấy bằng đủ mọi mảnh khoe, rằng con cụ chỉ là đồ vô tích sự.

Ấy, mỗi lần đành chịu khoanh tay trước sự hỗn xược và hiểm ác của người đời như thế, cụ lang càng giận Khải đến thâm gan tím ruột. Khải làm gì không thấu rõ cả. Và chàng đã cực khổ vô cùng, bởi luôn hai Tết trước, chàng đã bị bắt buộc phải vắng nhà. Sự bất đắc dĩ ấy chính là do sự thiếu đồng tiền, cũng như mọi cái lười sùì khác ở đời. Khải không

đủ can đảm bồng bế vợ con trở về quê hương, với một tình trạng không hơn gì trước, để làm cái đích cho những lời xỏ xiên đàm tiếu. Chàng cũng tự biết mình hèn nhát. Nhưng làm thế nào được, một khi những cái kia đều mạnh hơn chàng!

Khải sẽ chẳng bao giờ lưu tâm đến đồng tiền, nếu người ta đừng sẵn sóc đến cái nghèo của chàng một cách quá ư khó chịu. Chàng có thể nào trở nên một phú ông tiền kho thóc đụn, hay một viên chức sang cả, khi mà chàng đã bỏ cái thanh xuân của chàng vào sự đọc sách và sự luyện tập cái nghệ thuật rất khó của nhà văn. Làm thế Khải đã bị tất cả chê là đại, nhưng chàng đã tìm được lẽ để tự cao ngay chính sự chê bai ấy.

Chàng cho rằng, người Việt Nam sở dĩ chưa biết trọng văn nhân thi sĩ, ấy chỉ vì từ trước đến nay, người Việt Nam

chưa hiểu văn chương là gì, ngoài cái mớ huấn điều trong Tứ thư, Ngũ kinh, mà họ cần phải học thuộc để đi thi.

Sống ở đời, người Việt Nam chỉ biết có hai con đường, làm quan để hưởng tất cả quyền lợi và vinh quang, hoặc cam làm kẻ bạch đình để suốt đời chịu thiệt.

Nguyễn Du, khi xưa, nếu đã được thời nhân ca tụng, ấy chẳng qua tại ông ấy là một vị Tham tri bộ Lễ và đã từng vâng mạng Vua sang sứ bên Tàu, thế thôi! Còn đến cái ông Nguyễn Du, tác giả Truyện Thúy Kiều thì nào mấy ai đã thèm đếm xỉa đến. Và, chính do lẽ ấy, văn chương Việt Nam mới không bao giờ được cả thế giới tôn trọng, coi ngang với văn chương Pháp, Anh hay Đức, và cái tinh thần của giống nòi Hồng Lạc mới luôn luôn bị các tinh thần khác làm cho mờ ám đi.

Bây giờ, điều cần kíp là làm thế nào cho người Việt Nam nhận rõ được cái sứ mệnh của văn chương và hiểu rằng văn nhân thi sĩ là không thể thiếu được cho một dân tộc cũng như cho cả nhân loại, bởi họ là những tay đạo sĩ tuyệt luân đã gắn tai, gắn mắt và đã cho người đời có một tấm lòng.

Thực vậy, con người sống trong hoàn cảnh thiên nhiên của nó, hằng bị sai khiến bởi những cần dùng của bản năng đến nỗi không còn trông nghe và cảm xúc gì hết. Cái cứu cánh sinh hoạt duy lợi đã khiến cho đời sống tình cảm của nó hạn hẹp và nghèo nàn thảm hại. Nó chờ mãi cái ngày văn nhân thi sĩ đến trong trần thế để mới biết rằng một ngọn núi không chỉ là một đồng đất thó tốt cho việc nung gạch, hay chỉ là một đồng đá khả dĩ nung vôi, và bên trên có nhiều cây

to có thể ngã xuống làm than củi. Rồi, từ đây, nó mới biết ngần ngợ trước một cảnh như:

Vì mây cho núi lên trời

Vì chưng gió thổi hoa cười với trăng.

Lại mới biết gửi đến non xanh đôi lời tha thiết, mỗi khi lòng nung nấu vì nỗi sinh ly:

Núi cao chỉ mấy, núi ơi!

*Che khuất mặt trời, chẳng thấy người
yêu!*

Tâm hồn mỗi cá nhân ví như ít nước đựng trong lòng cái chén. Tâm hồn cả vũ trụ là nước của non sông dài. Văn nhân thi sĩ là những bậc tài năng đã hòa chén nước xuống lòng sông.

Những ý tưởng này, Khải bắt đầu có ngay từ khi chàng thoát được rung động êm đềm bởi những vần thơ kỳ diệu mà thi sĩ Tản Đà đương tung ra trong muôn làn gió.

Chàng cảm thấy cùng với cái xúc động sâu xa nọ, rằng văn chương sẽ là cái việc chính của đời chàng. Bởi đứng trước những cảnh: “Trắng phau ngựa trắng, xanh rì rừng xanh” hoặc “lá thu rơi rụng đầu gành, sông thu đưa lá bao ngành biệt ly” quen thuộc nơi quê hương, mà ông cụ lang đã dạy chàng hiểu cái vẻ đẹp rất sớm, chàng chẳng cũng thấy trái tim mười bảy của chàng băng khuâng man mác, và chàng cũng muốn nói một cái gì đấy ư?

Khải đã viết, và lẽ tất nhiên, những cảnh núi rừng, đời sống đầy bí mật của dân Thổ Mán, những chuyện tình say sưa

vẫn được nhắc đi nhắc lại quanh mình chàng, nó hợp với các nhu yếu khẩn thiết tuy mơ hồ của hồn chàng, đã chiếm địa vị chính trong mấy tác phẩm, chàng cho ra đời trước nhất.

Tên Khai đã được nhiều người nói tới, nhưng bởi tham vọng to cao, chàng luôn luôn đưa cặp mắt hẳn học về phía các vầng hào quang chói lợi đăng chân trời xa thẳm. Chàng mê văn chương như người ta mê gái hay mê đánh bạc. Chàng lại đã biết rằng, sự độc lập của ngòi bút là một cái gì cần được tôn trọng nên đã quyết định sẽ không bao giờ lấy ngòi bút làm cái vật mưu sinh. Chàng đã chịu khó làm bất cứ nghề nào có thể làm phụ được, tuy những công việc này có thể choán hết tám phần mười cái thời giờ dùng để đọc sách của chàng.

Khải đã đóng vai thầy giáo tư thực, với bộ đồ vẽ truyền thần, chàng đã lặn lội khắp vùng Hà Giang, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, nhưng số tiền kiếm ra đã chẳng đủ để vừa chu cấp cho gia đình vừa chi vào cái bệnh ngã nước mà chàng đã mắc phải, chàng đã làm thư ký cho một hiệu sơn phố Hàng Nón, và đã bị mời ra cửa vì cái tội dám cãi lại khi bà chủ – một ả lầu xanh cũ mở miệng chửi chùm lớp cả tụi làm công, chàng đã vác đơn vào các sở, nhưng ở đâu cũng chỉ thái bốt chứ không lấy thêm người làm.

Trong khi ấy, các tai nạn cứ nối đuôi nhau dồn dập đến gia đình chàng, làm cho tài sản khánh kiệt; bốn thằng con chàng ra đời, vấn đề cơm áo càng nguy cấp. Ông bố chàng ngày đêm chỉ những phiền muộn về nỗi có độc một thằng con để nương cậy lúc tuổi già thì chính thằng

con ấy lại chẳng làm nên nghề ngỗng gì, trong khi con người ta, kể cả con những nhà bố cu mẹ dĩ đều nên danh nên giá, khiến cha mẹ được nở mày nở mặt, họ hàng làng xóm được dịp bợ đỡ phỉnh phờ.

Sau hết, mẹ chàng đã chết vì thiếu thốn và tuyệt vọng. Để có tiền ma chay cho mẹ, Khải đã nhắm mắt ký với Nhà xuất bản Văn Nghệ một tờ giao kèo hạn ba năm. Chàng đã bị bắt buộc làm cái việc mà chàng đã cố tránh: đánh dĩ ngòi bút. Theo giao kèo nói trên, Khải mỗi tháng phải có cho nhà xuất bản một quyển tiểu thuyết dày một trăm hai mươi trang, mỗi trang ba mươi ba dòng, mỗi dòng mười hai chữ (như thế lúc in thành sách bán độ ba bốn hào dễ chạy) – một quyển tiểu thuyết “không cần¹...” ra một bi kịch tối

1 bản in tại Thư viện quốc gia Hà Nội (ký hiệu P22963) mất 2 trang 15 và 16.

tăm và kéo dài không biết đến bao giờ, thêm vào cái bi kịch những nhu cầu vật chất.

Nhưng ông cụ lang thẩu đầu nông nổi ấy!

Cụ chỉ biết buồn và giận, bởi con cụ quanh năm cứ biến biệt phương xa. Sự buồn giận, lúc đầu còn ngấm ngấm, giờ đã trở nên vỡ lở. Cụ quyết cho Khải biết cái uy quyền của cụ bằng cách bắt cả bốn đứa cháu nhỏ về quê. Còn chàng, chàng đã không kể chi đến tình cha con thì thôi, cụ cũng chẳng cần. Cụ đã bảo rõ chàng:

– Về phần anh, tôi tùy anh muốn sao cũng được. Duy các cháu tôi, tôi phải đem chúng nó lên nhà để ông cháu sớm hôm gần gũi nhau mới được!

Khải chỉ mỉm cười đến ứa nước mắt

khi chàng nhìn sự hờn giận trên gương mặt cha, đã bị tàn phá rất nhiều bởi tháng năm và nhất là bởi đau khổ...

Kim, đỡ con xong, lại quay sang với chồng:

– Mình đã bớt thở rồi đấy, nằm xuống may ra ngủ thêm được càng hay.

Khải làm theo lời vợ. Kim đắp kín chăn cho chồng, rồi nàng cũng ngả mình vào chỗ. Dần dần, sự lặng lẽ của gian gác trở nên sâu thẳm trong cái tiếng rù rì tối tăm của một con trùng thuộc loài dế nó kêu trong một kẽ tường nào, và sau cùng, trong cái tiếng thở nhọc đều đều của Kim, Khải không ngủ được. Một tay vắt ngang trán, chàng rim mắt nhìn vắn vợ cái hình tròn sáng do lỗ thông phòng chiếc đèn Hoa Kỳ in lên mặt trần vôi, và những lớp bóng đậm nhạt trên tường có

một vẻ đẹp kỳ ảo mà tiếng nói không sao diễn nổi. Đồng thời ý nghĩ của chàng cứ lan man từ chuyện này qua chuyện khác. Một khi ông cụ lang đã về đón các cháu cụ về quê thì Khải thể nào cũng phải lên nhà ăn tết, và sẽ bị giữ lại ở quê hương một thời hạn khá lâu.

Chàng nghĩ đến cái quy kỳ không tránh được, đến những ngày tẻ ngắt chàng sắp lại phải sống trong cái xó tỉnh lị nhỏ miền thượng du kia bao nhiêu, lòng chàng càng băn khoăn khó chịu bấy nhiêu.

Chàng nhận ra rằng: Hà Nội là một cái gì chàng không thể thiếu được, rằng nơi đô thành ấy có rất nhiều liên lạc với lòng chàng, những liên lạc sâu xa hơn cả những cái rỗng hình nó ràng buộc chàng với nơi chôn nhau cắt rốn. Khải đã thường nói:

– Chỉ khi nào trông thấy dải cầu sông Cái, tôi mới thực sống một cách đầy đủ.

Đành rằng, bao nhiêu khoái lạc mê hồn, bao vẻ hoa lệ say mắt, Hà Nội nhất thiết không cho chàng được mảy may hưởng thụ, và chỉ hắt hủi chàng, nhưng, không hiểu sao, chàng vẫn thiết tha nó, vẫn đợi chờ tất cả ở nó. Chỉ ở Hà Nội, chàng mới có được cái nao nức cần cho lòng yêu đời và cho cái ham xây sự nghiệp.

Hà Nội đã hủy hoại của chàng bao nhiêu hy vọng và mộng đẹp thực đấy, song chính nó lại đã cho chàng không biết bao nhiêu hy vọng và mộng đẹp. Vậy mà nay, chàng nhất định sẽ phải xa nó, để về ru rú trong cảnh núi rừng và để hàng ngày chỉ trông thấy rất những cái ngu xuẩn, hợm hĩnh, rởm đời!

Khải buông mạnh một tiếng thở dài, chưa bao giờ cái buồn chia phôi lại nung nấu lòng chàng đến thế. Nhưng làm cách nào khác được? Khải đành tự an ủi: “Chẳng nhẽ còn cha già đấy mà ta cứ biến biệt không về. Thêm nữa ta sống chật vật mãi đã kiệt sức quá; ta cần nghỉ ngơi ít lâu rồi làm gì mới làm được. Những phút hoàn toàn yên tĩnh kia thiết tưởng rất tốt cho ta, kể cả về tinh thần lẫn vật chất. Và, biết đâu đấy, giữa lúc ta ung dung tự tại, cái tác phẩm mơ ước của ta đột ngột thành hình cũng chưa biết chừng?”

Các lễ Khải viện ra để cố tô điểm cho sự phải về quê, dù sao, vẫn chẳng làm mờ được các bộ mặt giễu cợt, và lóa lấp được cái lời cạnh khóe chắc hẳn đương chờ đợi chàng. Khải bị những cái ấy nó ám ảnh dữ quá. Chàng chép miệng một

cách hần học: “Quái thật! Sao ở đời lại có cái thứ người chỉ lấy sự gièm giở, sự bói thối đồng loại làm cái lẽ sống độc nhất của chúng như vậy được. Chưa thấy ai hay, chúng đã vội tăng bốc người ấy lên tận mây xanh, mà chẳng phải là để ăn mật, ăn mỡ gì cả! Người ta chưa dở, chúng đã hùm lại, toan những sự dè rí kẻ không may xuống tận đất đen, tỏ ra một tâm địa bất nhân vô ích. Chúng chỉ những bận rộn về sự khoe mình, sự dèm pha người, về những mảnh khoe lật vặt, những hiểm độc nhỏ nhen, đến nỗi đời chúng hết lúc nào chúng cũng không kịp biết. Chúng thực là một lũ sâu đất đáng thương mà lại vô cùng đáng giận!”

Khải trở mình, chân tay chàng bực dọc như muốn đập phá một cái gì. Sau cùng, chàng kết luận: “Không, ta phải biết ngồi xồm lên cái dư luận của những

quân khốn nạn kia mới được! Ta sẽ mặc xác chúng cùng những lời sống trộm của chúng”. Khải thấy mình cao siêu và can đảm hơn bao giờ hết. Và, để tỏ ra chàng không bận lòng về cái nhân loại kia chút nào nữa. Khải bắt đầu soạn trước cho mình một cái thời khắc biểu phù hợp với cuộc sống nay mai của chàng...

Nhưng, vừa lúc ấy, chợt vắng tới tai chàng một vài tiếng guốc lẹp xẹp trên mặt đường, những tiếng họ khùng khắng, những tiếng rì rầm như bao lời than thở, những tiếng người mua kẻ bán chửi rửa nhau. Xa xa, một hồi còi xe lửa hét vang. Thằng con nhỏ của chàng, theo lệ, khóc đòi quá sớm. Cuộc sống hàng ngày lại bắt đầu với những mồ hôi nước mắt, những khổ cực âm thầm, những sự tàn ác, những nỗi cơ hàn của nó...

CHƯƠNG 2

Hết tiền nhà đến tiền gạo, giờ lại tiền thịt, và còn tám năm thứ tiền khác nữa thế này thì tôi cũng đến chết mất, chả sống được! – Kim, không chờ mụ hàng thịt xuống khỏi cái thang gỗ khấp khểnh, lập tức quay ngay vào kể lể bằng một giọng sưng nước mắt. Khái ngẩng đầu, tay đặt dần cái quản bút lên trang cuối cùng tập bản thảo chàng đang viết nốt:

– Khổ quá! Thì mợ cứ để mặc tôi có phải là nhẹ mình không...

Sắc mặt Khải biến từ vàng xin sang màu tái nhợt. Chàng tì hai khuỷu tay xuống mép bàn; sau lần kính cận thị, cặp mắt chàng mở to nhìn thẳng vào Kim với một vẻ bức dọc và chán nản:

– Mợ cứ mặc tôi van khát người ta thế nào yên chuyện thì thôi.

– Nếu mặc được thì nó đã ra một nhẽ khác!

– Sao lại không? Ấy thà như thế còn hơn là cứ nay eo sèo, mai eo sèo mãi, không ai chịu nổi...

Giá những người có nợ họ chịu để tôi yên thì cứ gọi là cạy răng, tôi cũng chẳng nói lấy nửa câu.

– Đã thế, mợ cứ nói! Mợ nói thế nào cho nó nảy ra tiền được thì còn gì hay bằng !...

– Cứ chết quách ngay đi là rảnh chuyện. - Kim dần dỗi quay mặt vào vách - Chết là thôi, chẳng còn điều nợ tiếng kia rắc rối nữa !

– Chẳng ai bắt ép được ai hết... Mà chẳng ép thì sự cũng đã muộn rồi.

– Nào tôi có ngờ đâu đến nỗi chỉ vì đồng tiền mà mợ đâm ra oán hận tôi như thế, lấy chồng thì theo cảnh ngộ của chồng. Ở đời này ai chẳng muốn phần giời mặt, nhưng cái đời tôi chẳng may đã như vậy, tôi còn biết làm thế nào? Đối với công việc bốn phận một người chủ gia đình, tôi tưởng tôi cũng đã làm đầy đủ lắm rồi thì phải. Mợ thử xem: ốm thờ chẳng được thế này, tôi cũng cố ngồi dậy

để viết... (Khải nhìn xuống trang bản thảo). Với lại chỉ còn một đoạn cuối nữa là có tiền ngay, chứ phải chờ đợi lâu la gì cho cam...

– Đã chắc bán được ngay chưa! Hay là tốt nhất đến nơi, các nhà xuất bản người ta còn để tiền chi món khác...

– Hãy thử xem; chẳng nhà này thì nhà kia, lo gì!

– Thế mới rõ đương yên đương lành đọc canh chịu tội – Giọng Kim trở nên đay nghiến và chế giễu. Giá chịu viết cho nhà Nghệ Thuật, có phải giao sách ăn tiền, nhẹ mình bao nhiêu? Đâu đến nỗi phải chạy ngược chạy xuôi để chỗ này nó rìm giá, chỗ kia nó bắt chẹt...

Khải xô ghế đứng dậy, chàng không thể chịu được nữa những lời quá thiết

thực mà Kim day đi day lại đã hàng trăm lượt về cái việc Khải đòi tăng tiền nhuận bút, nó đã khiến cho nhà Nghệ Thuật tuyệt giao với chàng.

– Gớm, có mỗi việc tầm thường ấy mà mợ cứ làm như tôi đã phạm một tội đại phản nghịch không bằng. Sự thực, ai ở vào địa vị tôi, người ấy cũng phải tức. Tại sao những sách tôi đã viết bán cũng chạy tay như của mấy văn sĩ khác, mà số tiền nhuận bút của tôi lại chỉ bằng nửa những người kia? Chẳng qua lão Nghệ thuật nhận thấy tôi vợ con một đàn một lũ, cho rằng dù bắt chẹt thế nào tôi cũng phải chịu. Người ta đã xử với mình theo lối con buôn, mình cũng phải biết cho người rằng còn có quyền lợi của mình nữa chứ. Không làm thế, thiên hạ nó cũng cười cho là ngốc...

– Ôi chào! Ở đời giả dại làm ngây, chứ khôn kia để bán dại này mà ăn! Biết thế nào cho cùng... Vả lại, cậu xoay xỏa lắm chỉ tổ mua thù chuốc oán vào mình, chứ đã được tích sự gì? Cứ lơ mờ như anh Ngọc thế mà lại hóa yên thân yên xác...

– Yên thân! Khải nhún vai và cười mũi: Thì ra khổ đau gì bà chẳng biết hãy yên thân cái đã! Và những thằng chồng chỉ biết sắp mặt xuống, đừng kể gì là tức khí, là nhục nhã hết.

– Nhục nhã nào chưa biết, hãy biết cái nhục nhà không có gạo đổ vào mồm, với các đứa không bằng đầy tớ mình nó nói cho như chửi vào tận mặt mà vẫn phải chịu đấy...

– Ở đời, ai không nợ? Và cái nghèo phải đâu là cái xấu...

– Ngồi mà cãi lý bây giờ thì ai theo kịp cậu được! Theo ý tôi, chẳng lôi thôi gì cả... Nếu người ta trả mình kém một chút, mình chịu khó viết gia thêm số trang thì đâu cũng vào đấy!...

– Chịu thôi! Mợ chẳng thấy vì chịu khó mà tôi thành ra đương vùi lấp cái tên tôi dưới một đồng giấy lộn đấy ư? Viết văn có phải như đóng đồ gỗ đâu mà bảo cố gắng để lấy thêm tiền.

– Nghề văn đã không nuôi sống nổi người, cậu sao còn cứ đa mang nó mãi?

Khải giương to hai mắt nhìn vợ chàng ngây ra chẳng khác một kẻ mộ đạo chột nghe ai xui hạ chính ngay cái thần tượng của mình xuống mà làm cúi! Im lặng giây lâu chàng mới thủng thảng nói bằng một giọng đầy xót xa:

– Thôi, tôi đã trót rồi; và mợ, tôi xin mợ đừng nói nữa...

Kim lảng:

– Cậu đừng tưởng cái việc đòi tiền nhuận bút đã được người ta khen đâu! Cậu không xem bao nhiêu đứa nó xúm lại công kích cậu, mĩa mai rằng đã là văn sĩ mà còn yêu sách tiền nong là không xứng đáng, là bẩn thỉu, là vật chất, là...

– Là đê tiện nữa chứ gì? Khải toan nói tiếp – Chẳng cứ những quân khốn nạn ấy, tôi dám chắc mợ cũng nghĩ như vậy.

Chàng thấy Kim đáng bỉ hơn bao giờ hết. Chàng cho Kim mới là kẻ thủ phạm đã gây nên tất cả mọi đau đớn vật chất và tinh thần của chàng. Một ý tưởng chạy vụt qua óc chàng: giá Kim chết! Giá

chàng có thể giết được vợ! Khỏi rùng mình tự ghê tởm và càng oán ghét Kim. Chàng đứng sững lại, nói chớ vào mặt thiếu phụ như khi người ta cảm thấy cần phải giảng cho vỡ cái ngu ngốc của kẻ điên:

– Mợ phải biết chính những đứa công kích tôi, nếu ở vào địa vị tôi, chúng cũng làm như tôi đã làm. Chúng sợ dĩ đã nói trái với lương tâm chúng, ấy chẳng qua vì chúng muốn mình nịnh hót chủ để hòng có được thêm miếng thịt miếng xôi nào đó thôi. Stefan Zweig đã bắt một hãng quay phim Mỹ phải trả bản quyền cuốn tiểu thuyết lịch sử Marie Antoinette của ông ta mười lăm triệu Mỹ kim, Léon Tolstoi đòi nổi trang tiểu thuyết Anne Karénine ba nghìn roubles thì không sao, một văn sĩ ở cái nước “nghìn năm văn hiến” này, trái lại, đã bị các bạn

cùng nghề chữ là vật chất, và đã bị ngay vợ mình ngờ là hiếu sự, chỉ vì anh ta đã dám đòi những... tám hào một trang bản thảo gồm ba mươi ba dòng, mỗi dòng mười hai chữ. Bằng ở cái lý nào tôi hỏi mợ, người ta cứ ép buộc nhà văn phải cao thượng, nghĩa là phải uống nước lã, để rồi người ta lại bĩ báng nhà văn là phường kiết xác?

Khải ngừng lại, tự hồ để lắng nghe cả một quăng đê dài phần uất nó vỡ tung ra trong lòng chàng.

– Người Việt Nam thực là một giống quái gở! Họ nhất định ép văn nhân phải cao thượng bằng cách chịu nghèo suốt đời, thế rồi họ bĩ thử chính ngay sự nghèo túng ấy, và cho văn nhân bất quá là một hạng bất mãn bởi thi không đỗ, một hạng dở ông, dở thằng vô tích sự. Cùng một lúc, họ đã thờ phụng những

Lý Thái Bạch, Tô Đông Pha, Hàn Dũ, Đỗ Phủ và hiện đang hết sức tán tụng những Shakespeare, Goethe, Tolstoi, v.v...

Khải sục sạo quanh trong gian gác, Kim gục xuống cánh tay và sụt sịt khóc, như bất cứ một người đàn bà nào ở vào một cảnh ngộ như nàng:

– Ai lại hản mấy tết rồi mà vẫn mẹ một nơi con một nẻo. Trong nhà thì đồng xu không có... lấy gì mà trang trải công nợ, lấy gì mà mua sắm một tí gọi là đón tay cho trẻ lúc lên nhà!

Khải buồn quá. Chàng đã cố quên mà sự thực cứ được phô bày ra trước mắt chàng một cách sỗ sàng và tàn nhẫn. Khải ngồi bệt xuống chỗ cũ, mắt chàng vẫn vờ nhìn trang bản thảo trong khi trí chàng nghĩ bâng khuâng đến cha già, con dại: “Tội nghiệp quá! Cả Kim nữa...

Kim, dù sao cũng chỉ là một người đàn bà ít học vấn và hiểu biết, thế thôi. Làm cách nào bây giờ? Chỉ còn đọc một kế là viết cho xong quyển tiểu thuyết này”.

Khải cầm lấy bút. Trời, suốt đời chàng, Khải có lẽ không mong gì còn có lúc thoát ly được cái khổ đánh đi ngòi bút chẳng? Nếu vậy thì đổi quách nghề như Kim đã nói.

Một giờ sau, Khải ném tạch quản bút xuống mặt bàn. Chàng xoa tay: “Thử lại thằng cha Hàn mặc xem nào. Hắn tắm mình mãi, may ra hắn sẽ trả mình được một giá phải chăng...”.

Khải tiến đến trước gương dài mốc thủy, chàng thắt lại cái múi chiếc cravate màu huyết dụ đã hoen ố và sờn mép. Nhìn cái dung nhan gầy và xanh phản chiếu trong làn gương, Khải chép

miệng: “Coi chừng lại theo Vũ Trọng Phụng sớm”. Và lòng chàng nao nao hẫ hẫ lên, cũng chẳng rõ ấy là tình thương bạn hay thương thân. Chàng không muốn có thêm một đau đớn nữa, khi lòng chàng đã nhiều đau đớn, chàng mặc vội quần áo, với cầm một tập bản thảo; đoạn quay ra đầu thang gác:

– Mợ ở nhà nhé! Tôi đi một lúc xem thế nào rồi tôi về ngay.

Kim nín lặng.

Cái nó đến óc chàng trước hết, khi Khải xuống tới đường, ấy là một điều lo: Chủ nhân Hàn Mặc thư xã vắng nhà thì sao? Lại nữa, hẳn có thể có nhà, nhưng quyền văn của chàng cũng có thể không bán được, vì một lẽ gì đó – chẳng hạn, như Kim đã nói: “... Tết nhất đến nơi, các nhà xuất bản còn để tiền chi món khác”.

Khải thở dài: Cái hy vọng cuối cùng mà chàng cố níu lấy thế là tan mất, chẳng khác một bóng mây nhỏ đằng chân trời giữa khi đại hạn. Và ở đời, còn cái cô đơn nào mênh mông bằng cái cô đơn của một kẻ đã mất đến cả cái hy vọng sau cùng? Chàng cảm thấy nó trong hơi lạnh của cái nắng hanh vàng và trong như mật, trong cái từng bừng của đám đông, của xe cộ, của các hàng rong, của tiếng còi xe hơi, của tiếng chuông xe đạp, tiếng kêu gọi, tiếng cười đùa quanh mình và nhất là trong cái thắm tươi, kiều diễm của các cô thiếu nữ.

Khải cúi đầu, bước lùi thúi trên vỉa hè. Chàng ngạc nhiên sao ngay giữa nhân loại, một người lại có thể lẻ loi được đến như chàng. Chàng nhắc đến tên bạn, nhất là các bạn đã được chàng cho nhờ vả, để có cớ mà oán trách. Chàng có cảm

tưởng như hết thấy đều tẻ bạc với chàng, và chàng ôm ghì lấy cái buồn đơn chiếc, như người sắp tử tử vuốt ve khẩu súng lục. Ô, nhưng mà buồn đã vậy: Người ta có thể sống với trăm nghìn buồn khổ nó chứa chất trong tim; người ta không thể nào sống được mà lại không có lấy ít ra là một tia hy vọng. Khải cũng thế. Mặc dầu sự thất vọng. Sự lo lắng, sự sầu muộn, Khải, rút lại, vẫn cố tìm lấy cho lòng chàng một ước mong. Chàng ước mong lần thần giá có người vô ý bỏ rơi một ví tiền. (Khải liếc nhìn nhanh một chỗ kín đáo – một gốc cây hay một nhóm cỏ nào đó – để cho cái ví rơi có thể còn được đến lúc chính chàng nhìn thấy). Chàng tưởng tượng cái cách khôn khéo chàng sẽ cúi xuống nhặt chiếc ví; chàng tự hỏi xem nên rẽ vào con đường vắng nào để có thể ung dung kiểm soát số tiền bắt được. Chấp chiếm của chẳng

phải của mình, Khải cũng biết là một điều mà người ta không khen; nhưng... ô, cần quái gì cái thứ luân lý đặt ra bởi những kẻ chưa từng bao giờ hiểu thế nào là đói, rét, nhất là chưa bao giờ hiểu nỗi đau đớn của một người cha khi thấy chính lũ con mình đói rét! Chàng lần thẩn đếm: “một... hai... ba... bốn, năm... năm tờ giấy hai chục... Một trăm đồng cả thảy!” Một trăm đồng, đủ chán! Khải có màng chi nghìn ấy, vạn khác, chàng chỉ cần một số tiền vừa vụn để dẹp tắt cho gia đình chàng những tiếng than khóc, những tiếng eo xèo.

Khải thoát lên một cái xe tay và giục túi bụi anh phu xe chạy ba chân bốn cẳng về phố Hàng Bún. Chàng nhảy bốn bậc thang một lên gác. Chàng ấn một trăm bạc vào tay Kim, sau khi đã hôn như tưới lên trán, lên mắt, lên má nàng: “Thôi,

mình đừng khóc nữa... Tiền đây rồi!... Tất cả một trăm bạc đây mình muốn tiêu gì tùy ý!” Khải phân vân, chẳng biết có nên làm như vậy chẳng; hay là chàng sẽ quay về với một vẻ tuyệt vọng, và sẽ khoanh tay ngồi thừ ra ở trước bàn viết, sau khi đã ném tập bản thảo xuống mặt sàn gác và nguyên rửa một người bạn tưởng tượng nào đó đến hết lời. “Tấn bi kịch sẽ kéo dài cho đến lúc mẹ cu thật cuống, bấy giờ ta mới thủng thẳng đứng lên và trịnh trọng như một tay phù thủy hợm mình, ta sẽ đọc một câu thần chú bố vờ đoan hô: một, hai, ba... biến!... Chì chàng cứ gọi là ‘lác mắt’, khi thấy bố cu gi vào tận mũi một trăm bạc!”

Khải bật cười, làm cho mấy thằng bé nhặt lá bàng phải ngơ ngẩn. Nhưng chàng vẫn say sưa trong giấc mộng: “Thấy chồng không bán tiểu thuyết mà tự nhiên

có nhiều tiền, chị chàng tất nhiên tò mò hỏi... Ta sẽ nói thực cái may mắn phi thường của ta, và sẽ giới cho Kim xem cái ví...” (hình ảnh cái ví da màu đen nhánh bày trong tủ kính nhà Gô-đa thoáng hiện trước mắt Khải). Chàng nắc nỏm: “Cái ví đẹp quá!...”, và nghĩ lo: “... Không biết nên giữ để dùng hay vứt bỏ?...”

Chương 3

Khi các món nợ đã trang trải xong đâu vào đấy, và các hành lý của chàng (một hòm quần áo với hai bồ to sách) đã được xếp cẩn thận trên nóc ô tô hàng rộng lớn, như cả một gian nhà, Khải ngạc nhiên nhận thấy rằng sự đổi chỗ ở, thực ra, không có gì khó chịu, như chàng lầm tưởng. Trái lại thế! Khải nhìn Kim, và nói qua một nụ cười:

– Những ngày cuối cùng ở Hà Nội thực là cả một ác mộng.

Ấy là một đoạn đời đã hết hẳn, đã qua đi mãi mãi – và lòng chàng tự nhiên lâng lâng khoan khoái, trong sự chờ đợi băng quơ một cái gì mới mẻ nó sẽ bắt đầu cho chàng.

Hành khách lên đã đầy xe. Người cảnh sát thổi một tiếng còi. Chiếc ô-tô từ từ ra cổng bến Nứa và rẽ lên cầu sông Cái. Vậy là thôi, vĩnh biệt Thăng Long, với những cái vinh, cái nhục chàng đã sống ở đấy; vĩnh biệt Nghệ Thuật tôn ông, cả chủ nhân Hàn Mặc tử xã nữa!

Những ngón ranh ma trong sự lợi dụng và bắt chẹt của anh chàng văn sĩ nửa đời này cũng chẳng kém chi của bạn đồng nghiệp hẳn. Biết thóp cảnh nhà văn chạy Tết, cái cảnh chính hẳn, xưa kia, đã từng qua, hẳn đã vờ kêu túng âm ỉ, khi Khải vừa mở miệng nói cái mục đích đến thăm của chàng:

– Bực quá, tiên sinh ạ, ai lại Tết nhất đến nơi, mình phải trả nào tiền in, nào tiền giấy hàng trăm món, thế mà mấy thằng đại lý chó chết cứ ì ra, thì tiên sinh tính cứ tức đến phát điên lên được hay không?

Và hần vốn vã mời Khai đến bên khay đèn:

–... Hãy làm mấy phát đã! Anh em lâu không gặp nhau, đi đâu mà vội... Câu chuyện tiền nong, rồi đâu tự khắc có đấy!

Nhưng, luôn mấy tiếng đồng hồ, hần chỉ nói những câu phiếm và chỉ kể lể những cái không mấy may quan thiết chi đến Khai. Chàng đâm nóng ruột:

– Thế nào, ông anh có lấy giúp đệ quyển tiểu thuyết này chẳng?

Hắn vẫn chờ câu hỏi ấy, tuy cứ làm ra dáng uể oải cầm lấy tập bản thảo giờ xem (cứ theo thời giá tám hào một trang, quyển tiểu thuyết của Khải bán rẻ cũng phải một trăm hai mươi đồng). Hắn thở dài:

– Chẳng mấy khi đại huynh hỏi đến,
– Ô, Khải bán chứ có vay đâu! – đệ mà không có đưa lại huynh tiêu thì thực rất lấy làm ân hận; khốn nỗi, chính đệ cũng đang quần bách hết sức...

Hắn ngừng lại để hút, và khi đã nhận rõ vẻ lo lắng, thất vọng của Khải, hắn mới ngọt ngào bổ nhàn nhĩa:

– Thôi, chẳng mua bán gì cả, đệ cố lo sáu chục đưa đại huynh tiêu; còn hơn thiệt chừng nào thì kể như đại huynh giúp đệ, được chẳng?

– Được. – Khải hồ thẹn như một gái đã chưa quen nghề khi phải nghe những câu mặc cả sống sượng – Cho xin một mẩu giấy trắng để tôi viết tờ nhượng bản quyền.

Nhận tiền xong, Khải lập tức đứng dậy ra về. Chàng nghĩ: ấy là tiếc cái thằng người nào cũng biết rằng một ngày kia nó phải chết, và khi từ giã cõi đời thì vua Ngô ba mươi sáu tàn vàng, thác xuống âm phủ chẳng mang được gì, mà nó còn tham lam tàn nhẫn được đến thế đấy! Giá nó có thể sống mãi mãi thì không biết sẽ tệ như thế nào! Và chàng cảm thấy một nỗi buồn tuyệt vọng, trước cái cảnh loài người, để mưu sự sống riêng cho mình, cứ phải ác hại lẫn nhau.

... Ngày cuối năm hơi vẫn sương; vòm trời nặng như cái vung chì úp xuống cảnh vật. Khải nhìn dòng sông Bồ Đề

chảy mông mênh và lạnh lùng, như một
mối vô tâm thiên vạn cổ...

Hết dải cầu – mà một lần, Khải đã
nghe bọn lái thoi gọi rất đúng là cái giàn
mướp – ô-tô vào một phố đông đúc,
có những cửa hàng sặc sỡ, và những
người đi sắm tết từng bùng quá một đám
hội. Sau cùng, xe bon bon trên đường
thiên lý, hai bên là những mảnh ruộng
đã gặt mở liên tiếp đến tận chân trời
màu bạc. Từng lũy tre nổi lác đác trên
cái phẳng lặng của mặt đồng, với những
ngọn cong vút như những tia nước xanh.
Đó là những làng mạc yên tĩnh đến gần
như ngủ say trong khuôn sáo những tục
lệ không bao giờ thay đổi. Cái thế giới
thôn quê chất phác, nhũn nhặn và quen
thuộc quá! Ngay vòm trời vẫn mây đè
nặng bên trên và ngọn gió bắc lộng qua
khoảng trống cũng có vẻ giản dị và bình

thản. Chẳng bù với cái thế giới phồn hoa! Khải có những ý so sánh hay hay về cái quan niệm sống và hạnh phúc một đẳng của người nông phu, tâm hồn đã hòa nhịp theo sự vận chuyển đều đều của thời tiết, với một đẳng của người thành thị, lúc nào cũng sôi nổi những ham muốn chẳng bao giờ thỏa mãn.

Chiếc xe vẫn vùn vụt trên con đường đá xám, theo cái tốc độ bốn mươi năm cây số một giờ. Kim, chừng lạnh, ngồi nép mãi vào bên Khải, và kéo vạt áo pardessus của chàng che ngực. Khải nhìn vợ, nàng mỉm cười, mắt long lanh sáng và má hây hây đỏ...

Một tình thương bỗng tràn ngập cả tâm hồn Khải. Chàng tội nghiệp cho Kim, bởi cái lẽ Kim chỉ là một người đàn bà ít học vấn và hiểu biết. Thực vậy, giá Kim cao hơn chút nữa, nàng sẽ chịu cái

nghèo dễ dàng hơn, và nàng sẽ quý sự hy sinh của chàng cho văn chương bao nhiêu. Ấy là chưa nói Kim sẽ an ủi chàng vô cùng, bằng cách thấu rõ tấn kịch nó đương diễn ngấm ngấm trong lòng Khải – trong lương tâm một nhà văn đã gần bốn mươi tuổi mới nhận ra rằng tất cả quan niệm của mình về nhân sinh cũng như về nghệ thuật đều hư ngụy đến hầu thành một tội ác. Bởi không thể tìm được ở Kim một khích lệ tinh thần, Khải càng phàn nàn cho Kim, và coi cuộc nhân duyên của hai người như một điều sai lầm đau đớn. Nhưng dù thế nữa, Khải vẫn không có quyền cứ vô tâm với những cái nó tạo nên hạnh phúc của một người mà chàng đã lấy làm vợ. Lại còn bốn thằng con và một ông bố già nữa. Chẳng nhẽ chàng hy sinh cả bấy nhiêu cuộc đời cho cái mà chàng lấy làm lẽ sống của chàng? “Ta, trước hết, phải mưu sự no ấm và

sự yên ổn cho gia đình ta đã!” – Bằng cách nào? Khải kiểm duyệt các phương kế mà, quanh mình chàng, người ta vẫn dùng để đi tới sự đắc thắng trong xã hội; và chàng tự thú rằng hết thấy cùng không hợp với cuộc đời lớn lao đương bắt đầu trong tư tưởng của chàng. Vấp phải vấn đề khó khăn, chàng loay hoay tìm mãi mà không ra một cách giải quyết nào ổn thỏa.

Tinh thần và xác thịt chàng, đồng thời bị tiếng động cơ đều đều ru dần vào giấc ngủ: đêm qua, chàng đã chẳng thức suốt sáng để dự cuộc tiến hành của mấy ông bạn đồng nghiệp, toàn thuộc cái hạng «giang hồ khí cốt» đấy ư? Họ đã xa chàng biết chừng nào! Cả cái cách sống bên ngoài khuôn phép «của phường dung tục» mà bọn nghệ sĩ vẫn tán dương là đẹp đẽ, là cần cho sự sáng tạo dồi dào

mãnh liệt, Khải cũng chỉ còn hơi mang máng như nó đã thuộc về một kiếp nào mù mịt quá.

Xe đến Việt Trì và đỗ lại trước một dãy hàng quà. Khải bị Kim đánh thức: Chàng vừa chớp chớp hai mi mắt vừa mỉm cười, như để tạ lỗi:

– Mệt quá, ngủ đi một tí mà đã nửa đường rồi!

Câu chàng nói bị át đi bởi muôn tiếng ồn ào của người lên kẻ xuống và của những hàng rong chèo kéo khách mua. Khải thấy đói, liền rủ vợ ăn mỗi người một bát phở gà; chàng uống thêm một chai bia nhỏ nữa; rồi, khi xe chạy, chàng lại thiu thiu ngủ...

Lúc chàng tỉnh giấc lần thứ hai thì xe đã sắp qua cầu sắt phủ Đoan Hùng, bắc

ngang trên dòng Lô Giang, nước réo ầm ầm như tiếng xay thóc. Một kỷ niệm làm vẩn tâm hồn Khai: Mười năm về trước, những chuyến xe ngược xuôi còn phải dùng phà khám từ bờ bên này sang bờ bên kia. Và, một lần chàng đã cùng mấy bạn... đứng trên mũi phà, thể với nhau những việc lấp biển vá trời. Ấy là một chiều cuối đông, trời cũng vẫn mây như chiều nay, và gió bắc cũng chạy lướt từng cơn trên ngàn lau hoa trắng; lưng chừng không, một con vạc lẻ bỏ rơi những tiếng kêu buồn... Mấy bạn... của chàng, hiện giờ, đã hoặc chết rũ trong một xó tối tăm nào, hoặc đương tù... xa trông vời về cố quận... Khai buông một tiếng thở dài; đoạn chàng cất tiếng ngâm một bài thơ cổ chàng đã chuyển dịch sang quốc âm, mặc dầu tiếng ngâm của chàng bị tiếng động cơ lấn át:

Thuở loạn, xuôi dòng thế...

Ngày yên, ngược một mình!

Quê người, đầu điểm bạc:

Đất cũ, dáng non xanh...

(Thế loạn, đồng nam khú;

Thời thanh, độc bắc hoàn!

Tha hương, sinh bạch phát;

Cựu quốc kiến thanh sơn).

Bài thơ mới gọi cảm làm sao! Nó tỉnh thức trong đáy lòng chàng biết bao nhiêu là u hận, bao nhiêu mối tiếc thương đối với những gương mặt chẳng bao giờ lại thấy, và những ngày mà chàng còn có những bông bột, những say sưa nó làm cho ta chỉ thấy đời có một ý nghĩa trong

sạch và giản dị. Mười năm đã qua đi. Thời gian cứ như nước chảy dưới chân cầu, chẳng hề gián đoạn. Chàng đã ba mươi năm tuổi; chàng đã mất nhiều, nếu chưa nói là mất cả – trừ mối hoài nghi đối với những cái nó đã làm căn cứ cho hết thấy ý nghĩ, tình cảm và sự nghiệp của chàng. Khải chua chát: «... Sự nghiệp của một kẻ viết văn kiếm gạo!... Một kẻ đem tên đánh đĩ với đời, đầu đường cuối phố kẻ cười người chê, đúng như Tản Đà đã nói...». Và, bùi ngùi, Khải nhìn qua cửa xe: Sông núi lúc này tàn nhuốm một màu ảm đạm. Một mùi cỏ ướt theo gió thấm vào giác quan chàng. Hai bên vệ đường, những dải rừng xưa vẫn đứng đúng cái vẻ xác xơ dưới những từng mây vẫn. Đó đây, một vài đốm lửa nương cổ ghi yếu ớt những dấu sinh hoạt lẻ loi... Bóng tối và mây đen càng lâu càng dày đặc. Sự hòa hợp dịu dàng của mọi hình

sắc gieo vào hồn Khải một băng khuâng kỳ lạ.

Khải đến nhà vào lúc ánh đèn còn sáng: Ông cụ lang và bốn thằng nhỏ chưa đi nằm. Vừa nghe tiếng Kim gọi, lũ trẻ nhao nhao chạy ra đón; có đứa không kịp xỏ chân vào giày, guốc; cả con chó lai, vẫn nhớ chủ, cũng chồm lên, muốn rút phăng cả xích sắt.

Ông cụ lang hỏi bằng một giọng vui vẻ:

– Các con đã lên đấy à? Sao chậm thế, làm ông và các cháu mong mãi, nhất là thằng cu Tí, nó nhắc cậu mợ luôn miệng...

Kim ôm thằng út lên lòng và hôn hít túi bụi:

– Vợ chồng con cũng nóng ruột quá; nhưng mãi hôm qua nhà con mới bán được sách cho người ta!

Khải kéo cái điều bát để làm hơi thuốc lào, mà chàng đã phải nhịn suốt từ sau lúc rời bỏ Việt Trì. Chàng hỏi bố:

– Ông và các cháu ăn cơm rồi à?

– Ồi chào, các anh ấy kêu đói ẩm nhà cửa ngay từ chập tối kia! Để bảo thằng nhỏ nó nấu cơm hai vợ chồng ăn...

– Thôi chúng con ăn tạm phở cũng được. Nấu cơm bây giờ cách rách lắm!

– Thế thì chi bằng có bánh chưng nóng đấy, bóc vài chiếc ra mà ăn.

– Con sợ chưa cúng?

– Ông đã đặt lên thắp hương ở bàn thờ Phật và ở bàn thờ ông Vải rồi.

– Nếu vậy tốt quá! Con đương thềm bánh chưng...

Lũ trẻ bầu ngay vào bố:

– Phải đấy, cậu cho chúng con với nhé, cậu nhé!

– Chúng bay vừa cơm rồi! Mai hãy ăn bánh; no bụng quá, đêm lại làm rầy người ta!

Cu Tí ngoạo đầu:

– Không, bé ăn bây giờ kia... nào... nào!

– Thằng Diệp! Cậu bảo thì nghe ngay chứ! Chồng mẹ cho kẹo và dép mới đây này...

Kim vừa nói vừa lấy các thứ ở hòm ra và chia cho lũ trẻ mỗi đứa một phần

đều nhau. Một gói kẹo dừa và một đôi sandale.

Thằng lớn tuổi nhất phụng phịu:

– Có sandale thế mà mẹ không mua quần áo lính thủy!...

Một nét buồn thoáng qua trên mặt Kim:

– Các con mặc tạm áo tết năm ngoái vậy! Cậu ốm, làm gì ra tiền...

Cu Tí nói chớ:

– Độ ở Hà Nội... cậu ốm, em cũng biết! Lúc nào cậu khỏe, cậu mới mua quần áo tây cho được chứ!... Cả súng này... cả xe đạp này... cả kèn nữa kia!...

– Thật! Em bé nói phải. Các anh thì thua nó tuốt...

Cụ lang gật gù khen cháu út đoạn quay lại phía Kim:

– Thầy xem ý thằng cu con nó lý sự đáo để: nói đâu ra đấy! Giờ chúng sống thì phải biết!...

Cụ còn thuật lại vô số những cái hóm hỉnh của thằng Diệp. Khái để vợ nghe chuyện bố, chàng vắn to cái ngọn đèn Hoa Kỳ, dùng để ăn thuốc Lào, cho thêm sáng, và cầm cây đèn búp măng sang các gian bên soi khắp một lượt.

Nếp nhà của cụ lang Xuân Hòa đã cũ lắm, gồm có ba gian hai chái rộng thênh thang. Luôn mấy năm sống vắng vẻ một mình, cụ lang nhất định cứ không cho ai thuê bớt, sợ nếu các cháu cụ lên, chúng sẽ không có chỗ chơi đùa ăn ngủ. Nếp nhà này đối với Khái, là cả một kho kỷ niệm náo nùng, chàng đã sống ở đấy những

ngày đen tối nhất; và cũng ở đây, mẹ chàng đã thở hơi thở cuối cùng, người mẹ đã để thương để nhớ cho lòng chàng không bao giờ nguôi được.

Khải qua gian giữa thờ Phật, tới gian bên là chỗ thờ mẹ chàng rồi vào gian trái mà trước kia, chàng đã dùng làm buồng ngủ.

Dưới ánh đèn dầu tây, các chi tiết hiện dần lên với một vẻ hoang tàn thảm đạm: bộ salon bằng gỗ tạp nhuộm, kê trước bàn thờ Phật, cái bàn viết què chân và đã mất một ô kéo, đứng tựa lưng vào vách gần ngay đấy, vài cái giường giát, một đôi tràng kỷ mỗi xông, dăm ba cái hòm khóa chuông bọc đay, vài cái tủ bỏ lỏng chống, tất cả đều mốc thối dấu phù sa của trận lụt hồi tháng bảy (Tuyên Quang năm nào cũng phải mấy ngày ngâm nước). Bốn phía, vách tam hợp đã lở nhiều chỗ,

để trơ lợt nan nứa, và mở lối cho gió lạnh vào trong nhà. Ngẩng nhìn mái tranh, Khải thấy nội các rui mè đều bị khói ăn đen kịt, và đầy những mạng nhện rủ buông như thao nón.

Khải lại trước bàn thờ mẹ và châm mấy nén hương cắm vào cái bát sứ vẽ rồng. Chàng nhận thấy bức thủy họa, do tay chàng vẽ để ghi cái hình ảnh mẹ chàng khi bà cụ vừa tắt thở, đã phai màu nhiều quá. Bộ ngũ sự, bằng gỗ sơn son, cũng đã khuyết mấy thứ – chắc hẳn bị nước cuốn đi. Khải bùi ngùi muốn khóc, chàng cảm tưởng như bao nhiêu dấu vết của dĩ vãng đều vây cả lấy chàng mà bảo: “Không, anh đừng bỏ chúng tôi nữa! Vắng anh ngần ấy năm, cái tình trạng của chúng tôi ra thế nào, anh thử xem?”. Thực chưa bao giờ Khải ái ngại cha mẹ, vợ con chàng bằng bấy giờ, lại cũng chưa

bao giờ cái vấn đề mưu toan sự no ấm và sự yên ổn cho gia đình chàng thúc giục lòng chàng đến thế! Cùng một lúc, cả cuộc đời chàng hiện ra, ngửa nghiêng và lơ dờ một cách vô cùng tuyệt vọng.

– Cậu ơi, sang ông bảo gì ấy...

Tiếng gọi của đàn trẻ càng khiến tim chàng như bị vò xé. Họng chàng thắt lại. Một cảm giác cay cay xông lên mắt chàng. Khải lộn về chỗ ngồi. Nhưng, từ lúc lại tiếp chuyện cha, Khải không dám nhìn thẳng vào gương mặt mà những ngón răn reo đều như bảo ngầm chàng: “Hãy thiết tha với những cái gì người không thấy được hai lần”.

CHƯƠNG 4

Tháng Giêng, theo thói tục còn thịnh trong dân gian, vốn là một tháng ăn chơi, nên ở tỉnh nhà cuộc sinh hoạt của Khải cũng bắt đầu bằng những ngày nhàn hạ. Do thế, tâm hồn chàng tha hồ bị xâm chiếm bởi mối u hoài gây nên tự những cảnh quen thuộc trong thiên nhiên hợp với những đổi thay trong nhân sự.

Trước hết, và như ta đã thấy, Khải đã bùi ngùi vô hạn về cái vẻ hoang tàn

của túp lều tranh trong đó chàng hiện sống cùng với gia đình. Chàng còn bàng khuâng ngao ngán khi nhìn đến ngôi nhà gạch hai tầng mặt ngoảnh ra sông Lô, kết quả của bao năm mồ hôi nước mắt mà phụ thân chàng đã bán cho một ông cai mỏ để lấy tiền vứt uổng vào cái ấp xã Linh Sơn, hoặc khi gặp những mặt lạ, chẳng rõ từ đâu tới, cứ thay dần vào những mặt quen không thấy nữa, cùng những khi đứng ngắm các ngọn núi mờ trong sương, những cây gạo trơ trụi có từng đàn sáo mun chéo choẹt, những con đường không thay đổi bên trên vẫn phẳng phất cái hình ảnh thuở nhỏ của chàng, nhất cái cảnh mấy ngày Tết trong mưa bụi.

Những ngày tết bao giờ cũng đầy kỷ niệm: nào những buổi chiều đàng đẵng, chàng khi ấy độ bảy tám tuổi thần thơ

trên bờ Lô Giang chờ lúc chàng mừng đến phát khóc bởi một cái bè đã hiện ra, đương lừ lừ tiến lại, và sau lắng dần vào bến nước, một cái bè trên có cái dáng thanh thanh của mẹ chàng, nào cái rạo rức đầy lòng, khi chàng nghe tiếng lợn bị cắt tiết, tiếng chày giã mau trên cối đá, hoặc khi chàng hoa mắt bởi cái màu đỏ tưng bừng của câu đối, màu sắc sỡ của những tranh gà, lợn, Tiến lộc, Tiến tài, lại nào cái cảnh chột thức giấc, giữa giao thừa, trong một bầu không khí ngát mùi trầm và sáng trưng ánh nến, để tai nghe pháo nổ và chuông trống đổ từng hồi, cái cảnh sớm mừng một Tết – chàng, đầu đội mũ vóc đại hồng thêu kim tuyến, mình mặc áo gấm lam, cổ đeo vòng bạc, chân xỏ hài vắn, theo cha đến hái lộc ở các sân chùa rồi đi mừng tuổi.

Giá chàng có phép màu, như của đức Phật, chàng sẽ phục hồi tất cả các cái ấy, để bốn thằng con chàng cũng được sống những cảm giác y hệt những cảm giác chàng đã sống. Nhưng mà, thời thế đã thay đổi: “Công hầu đệ trạch giai tân chủ; văn vũ y quan dị tích thì!” Ngay mấy ngày Tết vừa rồi cũng đã qua đi, lạnh lẽo đến gần như vô duyên. Và cuộc sống bình thường lại nối tiếp, không phải với những ngày mưa phùn mù mịt gió bắc căm căm của thời xưa, mà với những ngày nóng thiêu giò lụ, chảy thịt đông, những ngày có những mảng trời chiều kim nhũ, những dải núi xa màu cổ vịt, những bè mây xám hồng, những trận gió hiu hiu lay động các tàu chuối lá cau xanh bóng: Tạo vật tựa hồ cũng cố ý vô thường như nhân sự, để gieo vào lòng vẻ nổi chảy trôi của hết thảy sự vật thế gian, Khải tất nhiên muốn ôm ghì lấy hiện

tại và gắng chặt gạn nó ở tất cả cái gì là khoái lạc, say đắm bởi không bền. Cùng một lúc, trí tuệ chàng mạt sát cái khuynh hướng ấy, coi nó là cái nọc độc còn sót lại của bọn đồ nhơ.

Khải, gần đây thù ghét cái thói hành lạc nói trên, cả cái ảnh hưởng lãng mạn Âu châu hồi thế kỷ mười chín, và cái cách giáo dục giả dối nó làm cho loạt trung lưu thanh niên hiện thời, trong đó có chàng trở nên một hạng vô dụng, mơ hồ, sự sống đến cầu mong ở may rủi (Khải mỉm cười chua chát khi chàng nhớ tới giấc mộng bắt được tiền hôm nào ở Hà Nội). Có điều, như ta đã thấy, chàng bị giam hãm chặt chẽ quá trong khuôn sáo những thói quen, những xúc cảm và những ý tưởng lập thành tự đời nào, nên cái rắp tâm phá hoại và chiến đấu còn mới mẻ của chàng chưa mạnh ngay

được, dù rằng chàng có cái nghèo nó vô tình giúp sức.

Khải không mất một xu nhỏ tiền thuê nhà, từ ngày chàng về quê; nhưng cái nhà chàng đang ở chính nó đã dột nát quá và chàng cần kiếm tiền sửa chữa để mới khỏi lo gió bão trong mùa hè sắp tới. Thóc ăn lại gần hết; phải xoay tiền đóng gạo. Chàng phải làm cách nào cho ra tiền, một khi thiếu vốn? Vả lại, trong cái tình trạng một là ăn người, hai là người ăn, Khải tìm đâu ra một công việc lợi cho chàng mà đồng thời nó lại không là một điều ác hay một dối lừa – kể cả sự viết vội các tiểu thuyết để bán cho các nhà xuất bản!

Khải thở dài: “Tiền! Đời bây giờ, đồng tiền đã gần là cái thiên tính thứ hai của con người. Và kiếm tiền là một việc có khi cần hơn chính ngay sự sống nữa!

Hãy tiến trước đã. Kể chi cái cách làm này ra tiền...”

Khải cho thẳng người thực giống như anh thợ tạc tượng kia, vì tiếc một hòn đá nên mới gia công đẽo nó thành ông Thiên Lôi, rồi lại vì hoảng sợ trước cái vẻ hung tợn của Thiên Lôi mà anh ta chấp tay lễ thì thụp. Vàng và bạc chẳng qua như đá và đất. Khốn nỗi, thẳng người đã hiến nó cái thể lực vạn năng, nên thẳng người, rớt cuộc, phải thờ phụng và làm tội mọi cho nó. Nhưng mà, biết dại thì cũng đã dại rồi. Chỉ còn một việc là phải đào bới bất kỳ ở đâu cho ra tiền ngay tức khắc. Nếu không thế, Khải và gia đình chàng sẽ thiếu miếng ăn nơi ở. Đào bới đâu bây giờ?

Khải lúng túng như con mãnh thú sa vào lưới, nó càng giãy giụa, cái lưới càng xô đẩy lại. Sau cùng, chàng đâm

luẩn quẩn, và lại uống rượu, lại tìm đến các nơi hội họp để nghe người ta bói xấu nhau, theo cái tật chung của hết thấy nó là kết quả của một nền giáo dục đạo đức bố vờ: về thực tế, ai cũng duy vật đến tục tằn, và cản trở nữa; nhưng về lý thuyết, ai cũng tỏ ra độc có mình là chỉ ư chí thiện! Chẳng những rượu, chẳng những làm tai nghe bói xấu, Khải còn hút thuốc phiện nữa, ý định để khuây khỏa mà thực thì để cảm thấy não nùng rằng, ở chàng, tất cả vẫn cứ là mâu thuẫn, là bắt buộc phải mâu thuẫn! Thường thì chàng đọc. Khải đọc bất cứ quyển sách nào lọt đến tay chàng, đọc miệt mài, đọc như kẻ sắp chết đuối cố vơ lấy một vật nổi. Cuộc sống của chàng, thế là cứ liên miên từ đọc sách đến ngủ, từ ngủ đến nói phiếm, từ nói phiếm đến rượu, đến thuốc phiện.

Cũng nhiều khi, chàng tự an ủi rằng chàng sống vậy là để đợi chờ. Nhưng, liền ngay đấy, chàng lại hẫ hừng bởi một ý nghĩ khác: bao nhiêu kẻ; đã chỉ vì chờ đợi như chàng mà mái tóc hoa râm lúc nào không kịp biết!

Nào những ai,

Bảy bước thân nam tử,

Ngang dọc chí tang bồng?

Đường mây chưa bồng cánh hồng,

Tiêu ma tuế nguyệt ngại ngừng tu mi!

Mấy vần thơ của Tản Đà chột vang lên trong tư tưởng chàng, như một hồi lệnh đám ma. Khái lại nhớ ra rằng chàng đã ba mươi năm tuổi: « Ta sống chẳng nhẽ chỉ để già rồi chết! » Và, từ cái chết có thể xảy đến cho chính mình chàng, Khái

ngĩ đến cái chết của Vũ Trọng Phụng, và đến một câu bạn chàng đã than thở với chàng...

Nguyên một hôm, chừng vài tháng trước khi Phụng chết, Khải đã rủ Phụng vào một hiệu cơm tây, phố Đường Thành. Đôi bạn vừa ăn uống vừa thân mật trao đổi những ý tưởng riêng về thời thế, về xã hội, và tất nhiên về cái cảnh ngộ của văn sĩ Việt Nam. Bỗng, Phụng hất hàm cho Khải chú ý đến một thanh niên vừa ngồi xuống bên một bàn gần đấy, một thanh niên có bộ mặt xám như tro và một cặp môi tựa hồ cái vết sâu quảng đường liền dấu.

– Thằng ấy – Phụng đáp cái nhìn dò hỏi của Khải – ở cùng phố với tao. Bố nó trước làm nghề cho vay lãi... giàu lắm! Tên nó gọi là thằng Dưỡng. Nó hiện là chủ một cái gia tài lớn có vài ba mươi

vạn, nhiều đến nỗi nó không biết dùng của làm gì nữa, ngoài cái việc trô thả cửa, và ném tiền vào các thợ cô đầu để mua lấy bệnh tiêm la!... Thời kỳ thứ hai rồi cơ đấy!... Phụng cười mũi: «Những thằng như bọn mình thì lại chẳng bao giờ thừa ra được dù là một đồng trinh nhỏ! Vô lý, chung quanh chúng mình, thực nhiều cái vô lý!... và chó đểu nữa là khác...».

Hai người im lặng một lúc lâu. Khải ái ngại nhìn cái dung nhan gầy xẹp và xanh xao của bạn chàng, cái dung nhan rõ ràng là đã bị phủ dưới bóng Tử thần. Sau, Phụng dần mạnh cốc nước lọc xuống mặt bàn và kết luận:

– Không phải tao tham ăn đâu, nhưng giá, mỗi ngày tao được một bữa như thế này – một bữa thôi, mày nghe chưa! Tao đã chẳng đến nỗi mắc phải cái bệnh lao ác hại!

... Khải cảm thấy tràn ngập cả tâm hồn chàng một sự rã rời kỳ lạ, một sự cần thiết vu vơ, và một tức giận nặng nề bởi bất lực...

Kim ở ngoài chợ về, nhìn vẻ mặt chồng một cách tò mò và hỏi:

– Gì thế, mình?

Chàng thở dài:

– Nghĩ đến sinh kế mà lo quá!

– Lo chú lại không lo!

Nàng ngồi xuống cái ghế đối diện với Khải:

– Chính tôi cũng đã dò hỏi khắp nơi, đã suy tính đủ mọi cách, nhưng... thất vọng!

Hai vợ chồng nhìn nhau; Kim nói tiếp:

– Chết cái, mình không có vốn kia!
Giá có dăm ba trăm thì buôn bán sì sảng,
chẳng gì cũng đủ chi các món lặt vặt hằng
ngày vậy.

– Mình xem thóc ăn còn được bao
lâu nữa?

– Còn gì!... chỉ độ cuối tháng sau là
hết nhẵn. Gạo, độ này lại cứ mỗi ngày
một giá: hôm kia, chị giáo Nhuận vừa
đong đồng chín, vậy mà sáng nay đã hai
đồng hai một yến! Dầu tây sáu hào một
lít. Vải demi fil trước có bốn hào rưỡi,
năm hào, giờ hơn một đồng một thước.

Khải đàm liêu:

– Cứ việc cao nữa lên!... Rồi thì tất cả
đều nhịn, và ở trần, thử xem nó ra làm
sao...

– Chỉ nói khoác!... Sáng ngày ra, mới chậm nấu cơm một tí, cả năm bố con đã làm váng nhà lên...

Thằng cu Tí, chừng mãi lúc ấy mới nghe rõ tiếng mẹ, lon ton từ hè sau chạy ra:

– Mợ!... – Nó ngả đầu vào lòng Kim, nũng nịu – Mợ cho con một tri...inh...

– Trinh đâu lại cứ trinh suốt ngày thế! Kim vờ cự song âu yếm vuốt mái tóc con: Mày vừa ăn khoai lang rồi thôi? Các anh mày đi học cả ngày thì chúng nó ăn gì!...

Khải nhìn vợ, nhìn con và thấy mình như ở vào cái ngõ cụt. Bỗng, Kim gọi chàng:

– Này, mình này!

– Gì?

– Không biết ông đã nói mình nghe chưa: ý ông định bán cái khu đất Linh Sơn cho ông phán Thuộc đấy...

– Nghe rồi; bán quách đi chứ để làm cái nợ gì!

– Nhưng cụ lại bảo sẽ bớt ông Cả Tú mấy miếng đất...

– Thật à?

– Vâng.

– Đất nào nhỉ?

– Nghe đâu cái gò con, gần ngay chỗ ông Cả Tú đương ở bây giờ. Sẵn cả nhà cửa vườn cây tử tế...

Kim cúi xuống và, thuận tay, khẽ phát vào mông thằng con út: Diệp, có để mợ nói chuyện với cậu không!

Diệp lắng nghe:

– Cho con mô...ột trình!

Kim đành phải dúm cho một đồng Khải Định. Diệp, đắc thắng chạy tót ra hè trước. Kim nổi câu chuyện:

– Ông bảo lấy chỗ ấy làm hoa màu và nuôi súc vật. Theo ý tôi, như thế cũng hay!

– Còn tôi thì xin hàng!... Tôi đã ngấy lắm cái đất Linh Sơn rồi. Làm việc trồng cấy, phải những người nhà quê, cứ như mình thì lấy ai ra cuốc đất?

– Hãy cứ nghĩ thử xem...

– Chẳng phải nghĩ gì hết; không làm được là không làm, có thể thôi!

– Nhưng tính ông vẫn thích cái cảnh điền viên lắm. Ông bảo hôm nào mình

với tôi, hai vợ chồng vào xem thử xem...

Thấy Kim vật nài, Khải tự nhiên nảy ra một ý tò mò:

– Đi thì đi!...

– Mình tưởng tôi không rõ việc trồng cấy là khó hay sao? Có điều, buôn bán đã không buôn bán được, ta phải xoay kế khác vậy, chứ chả nhẽ khoanh tay chịu chết à! Vợ chồng mình đã đành; nhưng còn ông, còn cả một đàn con dại... Miệng ăn núi lở; sẵn lưng vốn còn lo thay hưởng hồ lại hai bàn tay trắng!...

Khải cười nụ:

– Lý sự lắm rồi, không phải tuyên truyền mãi... Hãy đi châm cái đóm về cho người ta hút thuốc!

CHƯƠNG 5

Ấy là một quả gò, ở bên phải con đường Tuyên Quang – Hà Giang, và cách về phía Tây tỉnh lỵ chừng non hai cây số. Giữa đỉnh gò, một nếp nhà dựng trông về hướng Nam; mái lợp tranh dày, tường đắp bằng đất sỏi mặt trong và ngoài trát tam hợp quét vôi vàng. Một cái hè giống bao lơn gỗ, độ một thước tây rộng, chạy quanh bốn mặt nhà. Các thứ cây quả trồng thành từng hàng đối nhau dọc hai bên các lối đi trải cát.

Khoảng giữa các cây, một lượt chè tươi mới đặt, cắt xén theo cái phương pháp vẫn dùng ở các nơi thí nghiệm nông học. Một số ruộng kha khá, ôm lấy ba phía chân gò có thể dùng làm chỗ thả bò sữa và dê được. Quả gò nói trên còn ở đúng vào giữa ngã tư các đường từ làng Yếng, làng Đồng, Ý La, Linh Sơn, Trung Môn và Hoàng Pháp ra tỉnh, tiện vô cùng cho việc buôn bán.

Khải vừa để chân lên cái lối cát chạy thẳng từ mép quan lộ tới trước thềm ngôi nhà đất, đã kêu:

– Thực là cái dinh cơ lý tưởng của Jean Jacques Rousseau!

Kim nguyệt yêu chồng:

– Chẳng cứ giã nầy lên mãi?... Bộ lắm!

Giữa lúc ấy, một người lực điền chạy ra chào đón hai vợ chồng. Ấy là tay hướng dẫn, do ông Cả Tú đã cắt đặt sẵn.

– Tôi ưng cái nhà này quá! – Khải nói hăm hở và thành thực – Đắp tường đất thế này thì kém gì xây gạch...

– Bẩm ông, kể còn chắc hơn xây bằng gạch nhiều, nếu là tường gạch con kiến. Mười năm... ông bà cứ ở vẫn chưa suy suyển!

Một ý nghĩ chạy qua óc Khải:

– Tôi nghĩ các vùng quê ta, nhà ở cứ đắp như thế này có phải vừa kín đáo vừa hợp vệ sinh biết bao nhiêu không!

– Đã đành như vậy nhưng, thưa ông bà, tốn kém lắm ạ! Muốn đắp một cái nhà như cái này, ít ra phải mất dăm chục bạc; mà ở chỗ quê mùa thì đừng nói chi dăm

chục vôi, hãy cứ dăm đồng thôi, nhiều người suốt đời chân lấm tay bùn cũng vì tất đã để dành ra được.

Vẻ bằng lòng trên mặt Khải mất đi có đến tám phần mười. Chàng tư lự, nhìn anh nông phu: một pho tượng bằng sành, một pho tượng khỏa thân, nếu không có cái quần cộc vải nâu cũ vá đụp hàng trăm miếng...

– Cây gì đây, bác?

Kim cắt ngang sự suy nghĩ của Khải, và anh nông phu vui vẻ cắt nghĩa cho nàng nghe:

– Thưa bà, vải Tàu đấy ạ! Bẩm quý lắm!...

– Có, tôi biết! – Kim gạt gù ra dáng thành thạo – Tôi đã ăn mãi, còn lạ gì nữa. Giống vải này cái hột nó chỉ vừa bằng

ngón tay út; múi nó dày, giòn như sữa; vị ngọt, mát và thơm.

– Vâng, bà dạy đúng lắm!... Còn cây này là cây lê, lê chính tông chứ chẳng phải là cái thứ... cái thứ...

– Mác cọt!

– À vâng, mác cọt!...

Anh nhà quê liếc nhanh Kim với cái vẻ tuy cảm ơn mà cẩu kính vì thấy còn có người nhớ hơn mình, nhất là khi người ấy không cùng trong giai cấp với anh ta, lý đương nhiên phải thạo về các việc trồng cấy và phải nhớ tên các giống cây cỏ hơn dân thành thị: cái thứ mác cọt vùng Lạng Sơn, Cao Bằng, chát xít và cứng quèo!

– Đây hẳn là cam sành?

– Chính hấn đấy ạ!... Kia thì là quýt giấy, nọ ổi Tàu, thứ nào cũng bói từ năm ngoái, quả sai lúc lửu!...

Kim chợt nhớ:

– À, chẳng biết có giếng nước không?

– Có chứ ạ! Chỗ cao như chỗ này mà lại không có giếng nước thì rầy rà to. Cái giếng ở đây đẹp lắm; thành xếp đá ong cẩn thận!

– Mời ông bà xuống sau nhà xem...

Khải và Kim theo người hướng dẫn; đi quanh một đầu nhà tới sân sau, đất nện nhẵn để làm chỗ phơi hạt. Khải trở khoảng lau rậm bên phải cái sân đất:

– Chỗ này dùng cái nền cho một dãy chuồng nuôi súc vật thì tốt.

Anh nông phu nói xía:

– Ấy chính ông Cả cũng đã tính như vậy!

– Dây chuồng cũng đắp tường đất như nhà trên, Khải nói với Kim để lấp cái khó chịu do cách xưng hô của người hướng dẫn: đắp ba mặt lưng và hồi; còn mặt trước, hoặc bưng ván lửng, hoặc đóng con song, hoặc che phen mắt cáo, tùy theo giống nhốt bên trong. Nền chuồng lát xi măng để tiện việc quét và rửa. Mình phải biết: cứ giá thịt bây giờ, việc chăn nuôi rất có lợi!

– Ý tôi chỉ thích trồng rõ nhiều hoa, vừa được chơi vừa được bán.

– Mình tưởng trồng hoa ít công phu lắm đấy hử? Những độc gánh nước tưới cũng đủ khướt rồi. Còn như thuê người làm thì lời lãi phỏng có đủ chi công và ăn cho người ta? – Khải quay lại bác nông

phu: – Phải không tay thạo nghề!

Hân hạnh vì được một ông mặc tây hỏi ý kiến, anh lực điền cười một cách lúng túng:

– Bẩm, chính phải!

– Cho nên, tôi bảo cứ một vườn cây quả này là đủ; ngoài ra, chỉ nuôi, nuôi cho thực nhiều vào! Hễ lúc nào trong nhà cũng sẵn hàng trăm gà vịt, hàng trăm bồ câu và thỏ là bất cần gì hết!

– Muốn nuôi nhiều thế, mình đã tính số ngô và thóc cần dùng chưa? Có đủ hạt ăn mới nói chuyện được!

– Tôi đã tính rồi: lúc đầu mới gây giống, số thóc chưa cần đến bao nhiêu, có thể đong tạm được. Sang tháng hai, ta sẽ phát mấy cái đôi kia để tra ngô...

Thấy ánh nắng gay gắt, anh nông phu nói:

– Đứng đây nóng lắm, xin mời ông bà vào trong nhà.

– Phải đấy! – Kim đáp và lon ton đi trước, tiếng nàng vang trong nhà rỗng
– Ô, ngăn nắp đáo để mình ạ!

Anh lực điền như một tay quảng cáo dầu trên xe điện, vội khoe:

– Bẩm, ngăn nắp đúng như nhà Tây! Lại nhiều gió mát quá; suốt ngày mùa hè không phải dùng đến quạt! – Anh ta bỗng hếch mũi đánh từng hơi ngán. – Ông bà có thấy một mùi thơm nó phảng phất trong gió không?

– Mùi hoa mộc thì phải?

– Bẩm, chính mùi hoa mộc. Bà tinh

mũi quá! Vườn đây còn có hoa ngâu, sồi, lan tây, không lúc nào ngớt mùi thơm...

Khải để mặc hai người nói phiếm; chàng đi từ gian này qua gian khác; ước lượng sự rộng hẹp của mỗi gian và nhẩm cách bày biện. Xong đâu đấy, chàng bảo vợ:

– Mình nghe tôi xem nhé: gian đầu đằng này, có cửa thông xuống bếp, tôi sẽ dùng làm phòng ăn. Ta sẽ đặt cái bàn dài, kèm sáu ghế dựa, đã sẵn ở nhà vào giữa gian này. Một cái búp-phê sẽ đặt ép lưng vào chỗ vách kia. Tôi sẽ chấm mấy bức tranh tĩnh vật có tính cách khai vị để treo lên tường cho đẹp mắt. Gian đầu đằng kia thì làm buồng ngủ. Gian chính giữa, ta sẽ bày bộ sa lông lùn, bàn viết và tủ sách của tôi. Sự tiếp khách sẽ không ngăn trở việc đọc và viết, bởi trong chỗ khuất nẻo này, bạn bè sẽ ít lắm, trừ khi

nào lũ quái Hà Nội có nảy ra cái hứng lên rừng ăn chè củ mài. Trên vách ngăn cũng treo tranh ảnh và thêm cây tì bà và cái bàn cờ của tôi nữa. Thực là đẹp một cách nhã nhặn...

– Thôi mà, cao hứng vừa vừa chú! Minh vào đây là để mưu sự sống, không phải để dưỡng nhàn.

Khải, từ chín tầng mây rơi bộp xuống đất, cảm thấy nóng mặt. Chẳng những thế, chàng còn thấy hối hận đã vẽ vờ ra một cảnh đời ít nhất cũng gợi ý so sánh và sự thèm thuồng cho người nông phu, mặc dầu cái lỗi của chàng chỉ là do khuynh hướng máy móc ưa nhàn, mà chàng chưa tự gỡ ra được. «Kim nói phải: thôn quê chẳng là nơi ẩn dật, cũng chẳng là một vị thuốc hay đối với sự quay cuồng của đời thành thị. Trái lại, nó mới là trung điểm của sự sống, nghĩa là của

cái vui, cái khổ, cái nhọc nhằn».

Khải liếc trông người lực điền. Chính anh ta, vừa rồi, chẳng đã khiến chàng phải xúc động và suy nghĩ lan man về cái nghèo xơ xác của bọn «cổ cày vai bừa» đấy ư? Sự nghèo khổ ấy, của cái hạng người đã xây đắp nên đất nước Việt Nam này bằng nước mắt và mồ hôi tưới đều ra từ bốn mươi thế kỷ, là một cái gì đáng được một kẻ trí thức như chàng kính trọng, săn sóc đến với tất cả cảm tình và lòng biết ơn, và tìm cách làm nhẹ bớt dần dần cho tới lúc không còn nữa.

– Về đi, mình đi! Năng to lắm rồi...

Khải giật mình và đáp như cái máy:

– Ừ.

Kim quay lại người hướng dẫn:

– Thôi, chào bác nhé?

– Không dám ạ, chào ông bà.

Xuống đến chân gò, Kim dừng bước:

– Làm một cái nhà tre ở chỗ này để bán các thứ lặt vặt như vàng, hương, muối, dầu hỏa, rượu, mình nghĩ sao?

– Tốt lắm!

– Ai không có tiền mua, mình bán chịu cho, rồi lấy bằng thóc.

– Ủ.

– Tôi còn tính đến cái cách đặt lúa non, như bà Cả Thành và bà Hai Chánh nữa...

– Tùy đấy...

– Mình lạ quá! Vợ bàn công việc làm ăn lại cứ trả lời giống một... Đã không

thèm nghe thì thôi...

– Tôi vẫn nghe đấy chứ! Mình đương bàn sự đặt lúa non, có phải không nào?...

– Phải ạ!... Đặt lúa non lãi lắm nhé: lúc cho vay, cứ ba bốn đồng một trăm; lúc thu về, bán bảy, tám, có khi mười đồng, và hơn nữa! Bọn dân quê chỉ khỏe tranh ngôi thứ, chỉ khỏe kiện cáo nhau nên luôn luôn cần đến tiền. Họ phải vay cào vay cấu, dù lãi mấy cũng gặt.

– Rõ khổ sở!...

– Thế đã thấm vào đâu! Đứa có tiền cho vay, như con mẹ lái Đức chẳng hạn, nó còn bắt chẹt thế này thì cậu bảo có ghê không: anh nhà quê nào cần tiền mà xem chừng có thể sòng phẳng được, nó cứ cho vay năm tạ tính làm một phiếu, viết vào văn tự. Đến kỳ gặt nó chỉ thu

năm tạ, còn một nửa nó vờ làm ơn cho chịu đến mùa sau để lại thành một phiếu khác. Thành thử, nó chỉ bỏ vốn một lần mà thu lợi mãi mãi...

– Như thế mà gọi là buôn bán à?...

– Cậu tính: Ở đời này, anh nào dại thì anh ấy chết! Sự thương người hợp lý phải bắt đầu từ mình trước đã...

Khải lẩm bẩm:

– Phải bắt đầu từ mình, nghĩa là từ cái tôi trước đã! Cuộc đời chỉ vì cái tôi mà có. Vũ trụ sinh cùng một lúc với cái tôi, và mất đi cùng với cái tôi luôn thể. Thượng đế cũng chỉ là tay sai của cái tôi. Kẻ nào lợi dụng cho cái tôi sẽ được sống, kẻ nào ngược lại với cái tôi phải chết. Nếu không thế, cả công lý nữa cũng chẳng có nghĩa gì. Hừ, tinh thần vị kỷ

thực là cái vỏ ốc nó tù hãm cuộc đời của mỗi con người. Chính nó làm cho kiếp nhân sinh thành ra một thứ địa ngục, và làm cho không khí trở nên đầy tức giận, oán ghét, và phục thù, đến nỗi con người không biết thở bằng cái gì nữa!...

Kim đã quen thấy Khai nói các ý tưởng đột ngột hiện trong óc chàng, nên nàng không ngạc nhiên và chỉ lắng nghe để cố hiểu. Tiếng chàng nhỏ quá; Kim bực bội:

– Mình hay vớ vẩn quá!... Chẳng phải nói đâu xa, chính mình vẫn bị ức mãi đấy thôi.

– Đã đành rằng thế; nhưng đấy không phải là một lẽ để mình lại làm ức cho người khác...

– Nếu vậy, chỉ còn độc một cách là ngồi yên mà chịu chết đói, thế thôi... Cậu quên dễ quá; tôi thì tôi vẫn nhớ cả từng li từng tí cái hồi ở Linh Sơn. Còn ai dễ dãi và thương người bằng cậu nữa! Thôi thì đứa nào cũng ăn ngập mày ngập mặt ra, đứa nào cũng được vay mượn để rồi quýt ráo. Ruộng của mình mua bằng tiền hằn hoi, mình chia cho chúng nó để chúng nó cày cấy nuôi bố mẹ vợ con chúng nó; thế mà rồi chúng nó trở mặt nhận sít làm của riêng, không thèm biết mình là ai nữa!...

– Ấy chỉ vì người ta ai ai cũng chỉ biết có cái tôi, và làm việc gì cũng cứ loanh quanh trong vòng câu châm ngôn: một là ăn người hai là người ăn mà lại!... Mẹ và tôi, chúng ta chẳng qua là những kẻ không may phải trả nợ đay cho lũ địa, như con mẹ lái Đức ấy.

– Vợ thằng lý Sâm – Kim vẫn chưa công nhận lời Khải – để rơi ở đường, cậu phải thân hành đỡ cho nó, lại phải bỏ tiền túi ra thuê xe cho mẹ con nó về được đến cửa, đến nhà, vậy mà cả lò cả ổ nó không thềm nói được một câu cảm ơn! Thằng bố Cửu đến phiên phải làm cỗ thờ mà trong nhà nó một hột gạo không có, cậu cũng gọi đến cho hết thúng nếp đến thúng tẻ, nhưng nó vẫn chẳng kể vào đâu, vẫn xui nguyên giục bị kẻ khác làm tổn hại cho mình. Rốt cuộc, số tiền mấy nghìn bạc bán ngôi nhà đều hết nhẵn!... Thế rồi, đến lúc chính mình bị nghèo túng, thử hỏi đã nhờ vả đứa nào được lấy một xu gọi là có? Hay chúng còn khinh mình là khác!...

Khải lấy làm phàn nàn rằng lúc nào Kim cũng có lý một cách hẹp hòi và thiên lệch. Chàng trở tay xuống bên đường:

– Tâm trí người nhà quê cũng ví như miếng đất hoang này, bị bỏ liêu từ bao lâu rồi cho các thứ cỏ xấu nó phủ kín mất cả. Họ cứ cha truyền con nối lúc nhúc trong đêm dày của sự dốt nát, sự mê tín, sự hủ lậu và các thói quen đồi bại, đến nỗi, dù được gọi là ông Chánh, ông Phó, ông Hương, hay ông gì nữa mặc lòng, họ phần nhiều chỉ cứ là một bọn mục đồng – một bọn mục đồng có râu, nếu ta muốn nói rõ hơn, thế thôi. Chẳng những vậy, sự khổ cực lũy khiếm còn làm cho họ trở nên mù quáng và khe khát, không phân biệt nổi ai là bạn ai là thù nữa.

Khải ngừng lại để thở dài. Là vì, càng nói chàng càng cảm thấy một cái gì mênh mông quá, bền bỉ quá, một cái gì đã gần như nghiệp dĩ, mà sức người có lẽ không bao giờ cai quản hoặc lay chuyển được...

CHƯƠNG 6

Một bóng người thấp thoáng làm cho Khải ngóc đầu trông ra cửa. Đó là Phương, em con chú của chàng.

– Ông anh nằm khăn thế thôi à?

– Kìa, chú!... – Khải vừa nói vừa ngồi dậy – Vào đây.

Chàng lấy tay che miệng ngáp rồi nói:

– Hôm nay, cảnh trời buồn quá!

– Buồn thật! Hay là ta đi chén vậy?...

Khải chợt nhớ lời dặn đi dặn lại của ông cụ lang, vội từ chối:

– Đánh chén vào lúc này thì khoái thật; tiếc rằng tôi, từ hôm lên, trong người vẫn chưa được khỏe hẳn.

– Cần gì; cứ mặc áo đi với em một lúc.

– Để khi khác vậy. – Khải rót một chén trà và đẩy trước mặt Phương – Chú uống nước...

– Bác để mặc em! Hãy làm một điều thuốc Lào đã...

Khải hỏi, trong khi Phương nạp thuốc vào nõ điếu và châm đóm:

– Thế nào, dạo này săn bắn có được gì không?

– Em ấy à? – Phương vừa nhả khói vừa lắc đầu lia lịa – Còn làm gì... ra thời... giờ mà đi bán!

Phương uống một ngụm nước:

– Bác tính, từ tết đến nay, em chẳng đêm nào là đêm không mắc cái nạn tổ tôm. Hết bà nghị Nhân gọi thì lại đến quan Phủ sai lính ra mời; em cứ phải lẩn hơn trạch mà không thoát. Nghĩ cũng rầy lắm kia: Mình nhất định cứ từ chối, người ta lại cho mình là coóc, là đá; mà chơi thì ha... ao lă... ăm! Mỗi bận nướng vài ba chục là thường... Cũng may, dù có đét, em vẫn chưa đến nỗi phải bỏ vốn nhà. Cứ nguyên chỗ tiền em bán nai và hổ, bán được dạo trong năm, cũng thừa đủ cho em đóng góp với họ...

Khải bất giác mỉm cười: Chàng nhớ mang máng đã nghe ở đâu rằng, tuy gặp

ai hẳn cũng khoe âm ỉ những cuộc săn nguy hiểm của hẳn, anh chàng Tartarin này, thực ra chỉ vác súng vào rừng nằm bẹp gí ở một nhà Mán nào đó, chờ một tay thủ hạ bắn được về thì ăn sẵn, thế thôi!

– Bác không biết chứ... – Phương có ý mịch lòng vì cái cười của Khải – Hồi tháng Chạp vừa rồi, em đã làm được những bốn nai, một gấu và một hổ, ấy là chưa kể gà với cày vôi lật vạt...

Vẫn chưa thấy Khải thực tin mình, Phương tiếp theo, chưng ra nhiều chi tiết để làm chứng:

– Cái da hổ, em bán được tám chục. Còn là ít đấy, mọi khi là cứ gọi là trăm rưởi bạc. Bộ xương nó, lão khách Cám Hénh vật nài mãi, em phết cho ba chục. Thịt hổ và thịt nai đem ra chợ, mấy cũng

ít! Nhưng, mỗi lần bắt được em không ăn cả; em biếu mỗi nhà một ít... Ấy cũng là một cách gây cảm tình để khi nào mình cần đến họ. Ở đời, người ta lắm lúc không thể không giả nhân giả nghĩa được! Mà cái trò đời, nghĩ thật là khỉ!

– Phương chống hai khuỷu tay xuống gối, vẻ mặt làm ra như đã chán ngán và mệt mỏi đến cực điểm. – Như con mẹ nghị Nhân chả hạn; trước kia, hồi mình còn phải thuê nhà của nó, mình thử cứ chịu tiền lại độ một nửa ngày thôi, xem nó có làm cho đến sủi bong bóng bọt tim ngay lên không! Bây giờ thì sớm mời tối mời, một điều ông phán hai điều ông ký... Phán ký cái con lười! Mình giá không vớ được mấy món thâu phát hơn vạn bạc, thì có mà đợi đấy...

Khải đưa đà, trong khi óc chàng nghĩ về việc khác:

– Nghề đời vẫn vậy chốc!

– Lão nghị còn tán tỉnh dè em chung vốn với lão cho xe chạy con đường Tuyên Quang – Chiêm Hóa. Nhưng đệ thêm vào! Cái nghề ô tô cà rỉ ấy, đây ngóng gì mà phải dựa lưng anh nào mới làm nổi!...

Chẳng những chỉ một cái nghề chạy ô tô hàng, bất cứ nghề nào Phương cũng tỏ ra thành thạo. Chàng thanh niên này thuộc vào một hạng mà ta gặp nhan nhản trong xã hội, cái hạng người không điều nào là không biết. Phương có thể nói vanh vách những chuyện trong quan lại giới, đọc cả tên họ và chỉ rõ nơi đương trọng nhậm của ông Tuấn này hoặc ông án nọ; có thể giảng một hơi luôn mấy tiếng đồng hồ cho một nhà buôn, một tay doanh nghiệp, một nhà văn, một chủ gà nghe về các mảnh khoe họ cần phải

hiếu thấu để trở nên lành nghề. Thấy ai cơ nhỡ, Phương sẵn sàng phung phí không tiếc nhưng câu ngọt ngào an ủi, lại vui vẻ hứa giúp tiền để khi người ấy có đến tìm thì, mười lần như trăm lần, «Ông ký tôi vừa chạy đâu ấy!» Phương rất hay làm mặt hào phóng, coi đồng tiền như rác, nhưng nếu, nhỡ ra, chàng phải mời một người bạn vào hàng rượu ông Tư phở, hay xuống trọ hát chèo Tham Hoàn, chàng sẽ chi ly từng xu nhỏ, và khéo cắt nghĩa sự bủn xỉn ấy bằng một câu róc rếu: «Tội gì mang tiếng quách! Thời buổi này, đồng tiền kiếm ra khó lắm; mình rộng rãi không phải lỗi, thiên hạ nó cũng chửi cho!» Phương nhất định cứ có lý, trong bất kì trường hợp nào, và đe sẽ «đạp vỡ mặt thằng nào dám nói ngang, cho mà xem!» Phương dọa thế thôi, chứ cũng chưa «thằng nào» bị «vỡ mặt» hết. Dù sao, nhiều anh vẫn rợn. Là bởi chàng có

một thân thể vạm vỡ, cao lớn, một bộ ngực «vuông góc bánh chưng», mặt màu da ngăm ngăm của người lực sĩ.

Chùng nhận thấy nói về mình như vậy là quá nhiều, Phương xoay sang Khai:

– Thế nào?... Em chưa được hỏi kỹ bác: mấy năm trời ở Hà Nội có dễ chịu không?

– Thường vậy.

– Thế mới biết, con người ta chung quy tự số cả. Như bác chẳng hạn; kể về tài học, em chỉ đáng là học trò của bác. Lại còn nhiều đứa kém hơn nữa. Vậy mà, tất cả đều sống phong lưu, trong khi bác quanh năm chịu túng bấn.

– Giàu nghèo thì cũng đến ngày ăn hai bữa, và chờ khi nhắm mắt buông tay cả, chú gì!

– Đành rằng thế, nhưng bị kém cạnh thiên hạ, lắm lúc cũng cáu!

– Đây là một điều chẳng bao giờ tôi nghĩ tới. – Khỏi hỏi ngay rằng mình vừa nói sai sự thực – Hay hoặc có nghĩ tới thì cũng nghĩ theo lối khác kia. Nhân tiện, tôi hỏi chú: người ta có sao cứ phải dòm giỏ kẻ khác? Tôi giàu, sự giàu của tôi liệu đã ích lợi gì cho ai; ấy là chưa nói đến những tai hại mà kẻ khác đã ề cổ ra chịu đựng do chính ngay sự giàu ấy. Và, nghèo kiệt, tôi có bắt ai chia với tôi sự cực khổ bao giờ?

– Theo ý em, sự dòm giỏ của người ta chỉ là một thói quen...

– À, nếu nó chỉ là một thói quen, người ta nên mau mau tự chữa khỏi ngay cái thói quen ấy đi, vì nó có thể chữa được. Nó khốn nạn lắm; nó hạ giá

người ta không biết chừng nào! Hai nữa, nó khiến người ta càng ngày càng hèn nhát, đến nỗi suốt đời không dám một phút giây nào sống cho mình, và giả dối bằng cách chỉ sống dựa theo ý muốn của anh hàng xóm.

Khải ngả mình xuống chiếu, tỏ ý chấm hết câu chuyện đã bắt đầu gay go. Phương đứng dậy:

– Thôi bác nằm nghỉ nhé? Em vào chơi trong quan Phủ một lát vậy...

– Chú năng lui tới các nơi ấy là phải!

Phương vừa bước xuống thêm, ông cụ lang Xuân Hòa đã từ gian bên tiến sang. Khải lại phải ngồi dậy.

– Nhất định là không chơi bởi, chè rượu gì với thằng ấy. Làm người, anh phải tri sỉ mới được. Nó, quân xỏ lá đấy

chứ tử tế nhân nghĩa gì! Ai dòm giở, ai nói nọ nói kia đâu không biết, chính nó dòm thì có, và chính nó, trong kỳ tiệc Mầu vừa rồi, đã ngồi ngay giữa đình mà bĩ thử bằng cái ngữ anh thì làm gì được, chẳng qua chỉ dăm ba chữ dính mép, thế thôi!...

– Mặc kệ cho nó nói xấu mình, rồi người khác lại nói nó.

– Nếu nó kể tình nghĩa họ mạc, nó đã chẳng làm đơn cho con mẹ nó kiện tôi, và xui bấy ông bác ép tôi nhường nó ngôi tiên chỉ...

– Thì ông nhường quách cho nó làm! Chẳng qua quyền rơm vạ đá đẩy chứ báu gì.

Ông cụ lang trợn mắt nhìn Khải:

– Hừ, anh thế thì ra một thằng liêu

thật! Chẳng trách được... Vừa nói, ông cụ vừa dẫn dỗi ngồi xuống chiếu. Cụ mở hộp thuốc Lào, vê vê một môi và đặt vào nõ điều, và cầm đóm châm lửa... Cụ buồn ra nét mặt, trong khi chính Khải cũng hết sức khó chịu. Chàng tự hỏi có sao tất cả đều nhất định cứ phiền nhiễu chàng bằng cái tũn mủn, vô nghĩa, nực cười như vậy?

– Họ mạc thì gươm trăm giáo mớ, –
Cụ lang tiếp theo, để than vãn một mình hơn là để nói với con – nghĩ đến gia đình mới lại càng chán hơn cơm nếp nát!... Sáu bảy mươi tuổi đầu, ăn không dám ăn, chơi không dám chơi, ả đào con hát chỗ nào không rõ, điều thuốc phiện là cái gì không hay, chỉ cần cù gây dựng lo cho con cho cháu. Ấy thế mà động thù công cuộc nào là hỏng; cuối cùng nó còn đâm đuôi cho cái việc ruộng đất ở Linh

Sơn, đến nỗi vốn liếng hết sạch!... Bây giờ, gần kề miệng lỗ, trông mong vào độc có một mình anh, thì trống đánh xuôi, kèn thổi ngược! Tôi cũng chẳng hiểu tại sao mà đến ngày đổ đốn hay làm sao mà tâm tính anh lại quái gở như vậy? Cái gì anh cũng coi thường, cái gì anh cũng tựa hồ như không thèm để ý. Gần bốn mươi tuổi đầu rồi, anh còn định cứ bông lông đến bao giờ?

Trong cái giọng đều đều rầu rĩ, mỗi câu nói của ông cụ lang là một viên đá chất thêm vào cái vác nặng đè lên tâm hồn Khải.

– Anh thử xem, ai người ta không lo sinh cơ lập nghiệp, để trước là vẻ vang no ấm cái thân, sau là cho cha mẹ, vợ con được nhờ cậy. Tiên tế gia, hậu trị quốc. Cái thân không tu, cái nhà không tề, văn chương dù hay mấy cũng là để bỏ Quân

tử ngôn cố hành, hành cố ngôn; tiểu nhân bán đồ nhi phế!...

Khải cúi đầu, nín lặng, ông già tiếp theo:

– Bố con với nhau, tôi không tiện nói hết lời, vả anh cũng chẳng ngu dại hoặc bé bỏng gì. Anh nên tự nghĩ lấy. Mẹ anh đã đau đớn, tuyệt vọng mà chết rồi; còn tôi, nhờ Tổ tiên, nhờ Trời Phật, tôi còn tự tay kiếm được miếng nuôi thân, ừ thì tôi không kể. Nhưng vợ anh, con anh? Một đàn một lũ đấy, anh phải lo mà kiếm cái ăn cái mặc cho chúng nó. Ngoài ra, còn đồng bút đồng giấy cho chúng nó học hành theo đòi người ta, chẳng nhẽ để cho chúng nó dốt nát, sau này làm con ở, con đòi thiên hạ hay sao?

– Con chính đương nát óc bởi những cái ấy! – Khải thở dài – Thực là khó quá!

Làm thế nào khiến gia đình và bản thân được no ấm, được sung sướng mà đồng thời, vẫn không để thiệt đến ai, không phải dối trá, lừa đảo và tàn ác... Chàng ngừng lại; lòng mênh mông buồn, vì chàng tự nhận thấy chàng vừa nói một điều không thể sao có được.

– Ngoài ra, anh còn phải nghĩ đến cái danh vị của anh, ở chỗ dân làng nữa. Nhà mình kém phúc đức, anh đã không thể trở nên một quan chức của triều đình, cùng nữa, một ông thông, ông ký, anh ít ra cũng có một chân nhiều xã chi gian, mới khả dĩ coi được. Thằng con nhà lái Thu, thằng con nhà bò Vạn, chúng nó đều ông Cửu, ông Bát cả rồi đấy...

– Con lấy làm lạ sao người Việt Nam lại có thể xấu hổ được, khi ai gọi mình bằng cái tên do cha mẹ đặt cho, tự ngày mình còn bé. Và, đã thế, tất cả đàn ông

Việt Nam sao không cứ lấy tên là Nguyễn Văn Cửu, Lê Văn Bát, Trịnh Văn Tòng Thất, có phải tiện hơn biết bao nhiêu không?

– Anh đừng có giở cái giọng tiểu lâm ra với tôi! Hay tám vạn nghìn tư mà, khi về làng không có lấy một chỗ ngồi nơi hương ẩm thì cũng chẳng ra cái con chó gì. Huống hồ, mình lại là mô gốc ở đất này! Tổ phụ nhà mình nào phải mỗi lúc gây dựng được cái làng Xuân Hòa. Tôi cũng chỉ vì nghĩ thế nên tôi chẳng quản khó nhọc mà đứng ra sửa sang cảnh Mẫu... Đình Vũ đổ nát, trông tiêu điều quá!... – Cụ thở dài – Ấy thế mà thằng Phương, không những nó không giúp đỡ tôi, nó còn vận động người này người khác, còn xúc xiểm thợ thuyền cố tình cho tôi phải thất bại mới nghe. Lúc bấy giờ nó mới tha hồ múa mép! Ngay bây

giờ, mẹ nó đã huênh hoang những nào: «Việc làm lại đình, trừ phi con tôi, dám chắc không ai làm nổi. Thứ mấy thằng già chỉ có ngồi tốt uống rượu rồi vuốt râu!». May sao, mình lòng thành Mẫu cũng âm phù mặc trợ cho, công việc mười phần đã năm phần tốt hảo rồi...

– Cha chung không ai khóc, cả dân đã không một ai ngó ngang tới nơi thờ tự, ông hơi đâu hứng lấy cả phần khó nhọc về mình? Đã chẳng ăn thưởng ăn phạt gì, mà rồi thiên hạ nó còn cao chê ngông, thấp chê lùn là khác. Với lại, theo ý con, cái đình nó đã chắn ngang bước tiến thủ của người Việt Nam ta từ bao lâu nay, bây giờ đã là lúc đáng phải dỡ bỏ xuống rồi...

– Các anh bây giờ toàn một lũ văn minh rởm! Tôi thử hỏi anh: làm người, ai không có gia đình, quê hương và quốc

gia? Thực may mà còn có tôi đây, chứ một ngày kia khi tôi đã nhắm mắt đi rồi, cứ cái ngữ anh, chúng nó gọi là khinh như mẹ!

– Chúng nó phải đâu là những ông phù thủy, có thể làm cho con khả khinh khả trọng! Chỗ làng mạc, chẳng qua họp mặt làm vui, dân hậu thì mình ở, dân bạc thì mình đi. Đâu cũng lãnh thổ Việt Nam cả...

Ông già đứng phắt dậy; sắc mặt bừng đỏ; bộ râu dài điểm bạc rung rung, chúng tỏ một cơn thịnh nộ ghê gớm:

– À, thế ra mày đã tính đến cái nước bỏ làng đấy! Hừ, thực tao không ngờ!... Tao không ngờ mày quả là đứa vô quân vô phụ!... Nhưng mày muốn giở trò gì, mặc. Kỳ tiệc này, tao hãy cứ mua cho mày một ngôi hương mục đã, xem mày

có dám trái tao không nào.

Khải suýt bật cười về cái danh «ông Hương Khải» mà, rồi đây, người ta sẽ dùng mỗi khi gọi đến chàng. Khải nhìn theo cha đi sang gian bên và lẩm bẩm một cách tinh nghịch:

– Ông Hương Khải... ông Lý Toét... ông Xã Xệ... trời, danh giá quá!

Sự cười cợt của chàng, tuy thế không lâu. Chàng liên tưởng đến dân quê các vùng Ý La, Trung Môn, và ở khắp trong nước, bọn dân quê hàng ngày vẫn bị khuyh gia bại sản với những quân cho vay lãi, chỉ vì họ cứ coi chỗ ngồi chốn đình trung, miếng phần biểu, và những cái danh hiệu hào huyền làm tất cả lẽ sống của họ. Những người đáng thương ấy càng ít suy nghĩ chùng nào, sự giảng thuyết cho họ vỡ vạc về quyền lợi của họ

càng nhiều khó khăn chừng nấy.

Khải chép miệng:

– Cứ gì bọn dân quê! Ngay cha ta cũng nhất định ôm mãi lấy cái cổ tục, các thành kiến, các điều sai lầm và ngu xuẩn, nó là dấu vết của thời xưa... Khải ngừng lại giây lâu; đoạn chàng kết luận: «Thế mới biết, ở địa hạt này, cũng như ở hết thảy mọi địa hạt khác, muốn làm điều tốt đẹp, tất nhiên phải động chạm đến, chẳng những các quyền lợi, mà nguy hiểm hơn, các tín ngưỡng nó đã suy đồi biến hóa thành mê tín, cái hình thức khó phá hoại nhất của tư tưởng loài người».

Khải hơi buồn, nhưng chàng không ngã lòng: chàng đã được nâng đỡ bởi một sức mạnh nó là tình thương rất bông bột trong tim chàng lúc ấy. Chàng thương bố già của chàng, và do đấy, thương rộng

tới cả nhân loại cần lao kia, mà sự sống, đáng lý ra, phải được sáng sủa, tươi đẹp, và sung sướng hơn nhiều. Cùng một lúc, Khải thoáng trông một cái gì đương hiện đến cho chàng, một cái gì như cái bốn phận thiêng liêng trên cả các bốn phận của kẻ sĩ: đem cuộc đời, từ ba cái chân vạc: ngu xuẩn, ghét ghen, tham tàn, rời sang cái nền tảng mới của lẽ phải, của sự công bình và của thiện mỹ. "Không, ở thế gian này, không cái gì lại mệnh mông quá và bền bỉ quá như ta đã lầm tưởng! Và, cái không thể chỉ có trong tiếng nói của kẻ ươn hèn".

CHƯƠNG 7

Vừa đẩy cửa vào phòng khách nhà Nhân, Khải đã kêu bằng một giọng bốn cột:

– Thế này thì chịu các anh hùng thật!... Mình lại cứ tưởng là có việc gì...

– Vờ mãi! – Nhân cười, phô ra một hàm răng mái hiên, kẽ rỉ đen vì khói thuốc – hàng «răng bút chì» theo cách gọi của các bạn chàng – Chúng mình,

thử hỏi còn có thể có việc gì hơn là cái việc này nữa?

Mạnh ngồi dậy để nhường cái chỗ danh dự bên trái khay đèn cho Khai.

– Năm đây... Sao chậm thế?

– Merci... à, tại lúc tôi ra cửa, tôi bị ngay ông Thanh ông ấy xoắn lấy mãi...

– Thanh nào?

– Thanh chủ điền ấy mà...

Nhân giờ ngón trở bàn tay phải lên trước mặt:

– Tao dám cược: Thằng ấy thể nào cũng chỉ nói về vụ kiện giữa nó với dân làng Yếng...

– Đúng đấy!

– Biết ngay mà! Thằng ấy thực là một người sinh ra chỉ để đi kiện. Y như Les Plaideurs của Molière!

– Mà kiện với cáo thì có ăn thua cái con chó gì bao giờ cho nó cam! – Xuân, đã gần xong cái tẩu, xoay mình nằm xuống chiếu, bên phải khay đèn, và lăm bầm – Ông cho cứ tong cả cái gia tài mấy ngàn bạc ấy đi thì lại ăn mày sớm!...

– Cho nó tong đi là phải! – Nhân khoanh tay ôm lấy gối – Cái thú của bóp hầu bóp cổ người ta, để làm gì!

Khải cười:

– Hai anh hình như ghét Thanh lắm thì phải?

– Nào chúng tôi có ghét gì nó; nhưng ai mà chịu được những đứa cứ ỷ tiền ỷ của đi ăn hiếp người ta ấy!

– Các anh thử dịch địa vị là nó, xem các anh có làm như nó không?

Nhân đáp:

– Anh nói cũng có lẽ... Song cái này là một chuyện khác!

– Ai lại... – Xuân tiếp theo bằng một giọng tức giận – Nó lấy không của người ta hàng trăm mẫu ruộng mà nó vẫn chưa bằng lòng cứ nhất định nay toan cướp chỗ này, mai lập mưu chiếm chỗ kia! Rồi thì là gây ra kiện tụng, đem tiền đổ vào những lỗ hà lỗ hồng một cách không những vô ích mà còn ngu xuẩn nữa. Tôi đã nhiều lần khuyên bảo nó rằng cái thời giờ và cái số tiền đem đi kiện ấy thà dùng vào sự ăn mặc, thì ít ra cũng còn được ích lợi cho bản thân nó... Xuân quay đầu dọc tẩu về phía Khải – À toi, điều sái nhất... danh dự!...

Khải từ chối:

– Thôi, mời các anh!... Đệ xin chịu cái danh dự giết người ấy!...

– Khéo vẽ cái con khỉ! Hút đi, kéo ngươi... – Xuân trở lại câu chuyện nói dở về Thanh. – Mình bảo, nó có thèm nghe đâu!... Cứ kiên mãi kia, đến nỗi ngôi nhà tây hai tầng đã bán rồi!... Chàng lườm Khải: – Giật thánh thể mà lại cứ làm bộ!...

Trang từ nãy vẫn ngồi rung đùi, bỗng gật gù nói qua một nụ cười xám xịt:

– Nói đến Thanh, moi lại nhớ đến một truyện cổ tích – hình như cổ tích Nga thì phải... Nguyên một hôm, ở một làng kia có việc phát mại công điền...

Nhân phá đám:

– Thì cứ nói có việc bán ruộng công

cho rảnh, lại còn vẽ phát mại phát miệc
lôi thôi lắm!

Mạnh cau lông mày, gạt Nhân:

– Để cho nó nói nào!... Gì nữa, Trang?

– Theo tục lệ chỗ ấy, số tiền chính phủ cần lấy là bao nhiêu đã niêm yết sẵn, và các người mua cứ việc chia đều nhau mà nộp... Nhưng, không phải mỗi người sẽ được một phần đất ngang với phần của các người kia đâu; nó sẽ tùy theo sức chạy của mỗi người...

– Thế là thế nào? Mạnh hỏi.

– Thế này nhé: ví dụ anh, Khải, Nhân, Xuân và tôi, chúng ta cả bảy sáu người mua đất, số tiền mà chính phủ định lấy là sáu chục, vậy mỗi người trong chúng ta phải nộp mười đồng...

– Hiểu rồi!

– Sau khi đã nộp tiền, chúng ta bắt đầu xếp thành hàng chữ nhất mà chạy thi, anh nào định lấy chỗ nào thì cứ phía ấy mà chạy. Cuộc chạy bao giờ cũng khởi từ lúc mặt trời mọc và chúng ta phải lộn về chỗ đứng trước khi mặt trời khuất núi. Khoảng đất của ai chạy được bao nhiêu là phần của người ấy.

Nhân bình phẩm:

– Như thế kể cũng lạ thực. Là bởi, nếu trong bọn mua đất, có một ông cu-li bun bút, ông ấy tất nhiên chiếm phần to hơn cả!

– Trong số các người mua đất hôm ấy, có một anh trọc phú quá tham lam. Anh ta cầm đầu cầm cổ chạy một hơi, đến lúc trông lên thì mặt trời đã xế. Hoảng kinh,

anh ta vội quay trở lại, và gắng sức chạy nhanh hơn lượt đi, bởi nếu mặt trời lặn rồi mà anh ta chưa về tới chỗ thì số tiền bỏ ra sẽ mất sạch. Anh ta mệt lắm; hai lỗ tai đã bắt đầu có tiếng kêu lùnh bùng, hai đầu gối đã chỉ muốn sụp xuống. Mặc! Số tiền ký cuộc đáng tiếc biết bao nhiêu! Nghĩ thế, anh trọc phú cứ mím môi chạy riết. Đích kia rồi! Chỉ còn độ trăm bước nữa... cố lên!... Nhưng một cái vấp thành linh làm anh ta ngã chúi và... hết thở! Bọn phu đào mộ, lúc khai huyệt để chôn anh ta, đã nói một câu, thay lời ai điếu: «Mẹ kiếp, tham cho lắm vào, giờ chỉ một thước đất công cũng phải chịu lấy làm đủ!»

– Câu chuyện hay đấy!...

Nhân ngắt lời Mạnh như để trả thù:

– Kể hay thì còn chán vạn sự tích hay hơn thế, nhưng thằng người vẫn chỉ là thằng người, nghĩa là nó cứ ghen ghét, tham lam và độc ác.

– Không phải là thằng người không thể rút bỏ được các thói xấu ấy. Ta hãy làm cách nào cho các thói xấu ấy đừng có dịp phát sinh trong lòng ta nữa, đó chính là cái điều cần thiết mà ai cũng phải làm ngay từ bây giờ... Kia, các anh hút đi chứ? Tôi đủ rồi.

– Sợ nghiện phỏng?... Thế thì moi... hy... hy. – Trang vừa nói vừa vợ lấy đầu dọc... kéo một hơi thẳng – Nghiện đã làm sao chưa?

Xuân bật cười:

– Cứ bảo điên mãi! Điên ăn người đấy...

– Không, moi có điên bao giờ! Moi chỉ hơi loạn óc một chút... là bởi, những quân malhonnêtes² chúng nó cứ dùng ondes sonores³ mà hại moi, thế thôi... – Trang vỗ vỗ lên trán – Ấy đấy, moi lại nói nhảm rồi!...

– Nói thế mà gọi là nói nhảm!

Khải rí tai Mạnh:

– Trang nó điên thực à?

– Ủ...

– Tại sao thế?

– Tôi cũng không rõ... Nghe đâu thằng Trung với nó, cả hai cùng dạy ở trường Hà Giang, đã vì quyền lợi mà đâm ra thù hằn rồi hại nhau. Kết cục: thằng này bị thải vì loạn óc...

² không trung thực

³ sóng âm

– Còn thằng kia?

– Chết bởi ho lao!

Khải thở dài:

– Rõ thế mới thực khốn nạn...

– Khốn nạn thật! Mà ông trời cũng gần quá! Các toi thử tính: Cả nhà moi trông vào có một mình moi, vậy mà nó nở hại moi, nó làm cho moi đến phát rồ, đến hỏng cả một đời!...

Nhân vờ gắt:

– Thôi, nói chuyện khác!... Hãy để yên cái bệnh loạn óc của mày đấy... – Chàng quay sang phía Khải – đừng cho nó nói nữa. Tao nghiệm hể nó nói nhiều là cơn mê sáng của nó lại nổi lên ngay...

Mạnh lăm bầm:

– Tôi lấy làm lạ quá! Nhiều lúc, như lúc nó kể chuyện cổ tích vừa rồi, thực không ai dám bảo nó điên...

– Có gì lạ! – Khải giảng – Lắm người điên sáng suốt gấp mười người thường, và trái lại. Nếu anh đọc cuốn sách *La raison chez les fous et la folie chez les gens raisonnables*⁴, của một ông bác sĩ nào đó, anh sẽ đâm hoảng, và phân vân không dám chắc anh có điên hay không điên.

Trang bỗng nghiêng nghiêng cái đầu, như lắng nghe một tiếng bí mật nào đó:

– Ah! Voilà... Các anh nghe rõ cả đấy chứ?

Nhân cau có:

– Lại sắp giở trò đấy!...

– Không, thật mà lại... Chúng nó

⁴ Lý lẽ ở người điên và sự điên rồ ở những người có lý

đương hò reo ngoài kia thôi!... Các ống nói đương âm âm cả lên, y hệt pick up ở các hiệu thuốc bắc đấy...

– Không có gì đâu. – Khải bảo Trang bằng một giọng ái ngại – Anh nhầm to rồi! Anh hãy tin lời tôi, rằng không có gì hết cả.

– Tôi nói dối! Rõ ràng chúng ta đương nói tục... Mọi ngời đâu, chúng nó cũng mắc ống telephone ở đấy; đêm đến nhiều khi chúng nó mắc ngay trên đỉnh màn moa, làm cho moa không sao ngủ được.

Xuân vừa nhả khói, do điều sái chàng vừa hút xong, vừa càu nhàu:

– Thằng này khỉ lắm! Tất cả anh em đây, chẳng nhẽ ai cũng nói dối mà hay sao? Đã bảo không có gì thì lại cứ khăng

khăng mãi... Mà càng tin như vậy, ông cho bệnh điên của mà càng nặng thêm cho mà xem!

– Xuân, độ này, xem ý cảm cái tệ...

– Mà có biết tại sao không? – Nhân hỏi Khải, và cắt nghĩa luôn – Lúy gia na bết di phăm; lúy gia na mả dê phăm tú lớp; lúy vén gia na ông via phe mô; gia na bố cu nợ; gia na ba lạc dong phe ro... ro! Lúy ba công tắng⁵!...

Mọi người cùng bật cười, về cái liến láu của cặp môi mỏng xoét hơn là về những câu Nhân nói. Anh chàng này nói tiếp:

5 Câu tiếng Pháp lẫn tiếng Việt: lui en a bête femmes, lui en a marié femme tout neuf, lui vient “ông via” faire maux, a beaucoup “nợ”, n’a pas d’argent faire « ro... ro ! lui pas content!... = nó có con vợ xấu, nó cưới vợ mới hoài, nó đến ông via làm xấu, nó có nhiều nợ, nó không có tiền để hút thuốc phiện! Nó không hài lòng!

– Nhưng chưa thấm! Bao giờ đầu gối quá tai, ngối kẹo kọt hàng trống canh không được tí sái sảm nào, bấy giờ mới là lúc cho ra các thứ hờn mát và các thứ đồng cô bóng cậu!...

Xuân tằm tằm:

– Chưa biết chừng thằng nào bẹp trước thằng nào!

Mạnh buông thông:

– Lo lại không cứ khắp lượt!

– Sống cái đời của chúng mình, –
Trang rung đùi và kết luận – theo ý tao,
tức là đi vào một trong hai con đường...

Mạnh hỏi:

– Những con đường nào?

– Một con đường từ nhà đến trường

học, từ trường học đến công sở, rồi từ công sở ra nghĩa địa; còn một đường bắt đầu từ gia đình tới muôn ngàn cái bắt đắch nó xô vào tiệm hút!

– Bi đát thật! – Xuân gấn đái sái vào nhĩ tẩu rồi hút -... Hừ, cái đời của mỗi thằng trong bọn ta có thể nói là một tấn kịch thương tâm...

Nhân giễu:

– No say rồi là làm văn chương đấy!

– Nói bằng thực chứ lại!... Này, thằng Trang thì hiện sống cũng như chết nhé... Thằng Khải, tuy có đôi chút thỏa mãn về tinh thần...

Khải lắc đầu:

– Chưa chắc!

– Thì hãy cứ tạm cho là thế!... Nhưng

lại cũng cứ nghèo khổ suốt đời nhé. Thằng Nhân xoay đủ tam khoanh tứ đốm, hết nghề thầy cò lại đến nghề gõ đầu trẻ, mà vẫn thất điên bát đảo. Tao thì hết vợ chết đến cưới vợ...

– Ai bảo mày cưới?

– Cái thằng Mạnh này mù chắc? Mày không thấy bà mẩu tao làm tình làm tội tao về cái việc cưới dâu chạy tang bố chồng đấy ư!... Sau cùng đến bố tao về châu Phật... Thôi thì nợ cứ như chúa Chổm, không biết đến kiếp nào tao mới gỡ xong.

Nhân chêm:

– Trong khi ấy thì có thằng cứ quăng tiền ra cửa sổ.

– Thế mới chó! – Xuân tiếp – Bọn mình duy thằng Mạnh là còn dễ thở...

– Ôi chao! Chẳng qua trong đom đóm, ngoài bó đuốc thế đấy thôi, chứ nước mẹ gì... Chúng mày xem nhé: lương tao mỗi tháng năm mươi đồng, bổng ngoại độ ngân ấy nữa, vị chi là trăm bạc. Trăm bạc, chúng mày tưởng to lắm sao? Tao hãy tính phát qua cái sổ chi cho mà nghe: tiền thuê nhà ấy đã mất tám đồng; hai đồng bạc điện là mười; hai đồng thợ giặt, bốn đồng nước, gạo năm miệng ăn và cứ giá chợ lúc này độ ngót ba chục. Ấy là chưa kể thịt thà, rau cỏ, quần áo, thuốc men, và sự thù tiếp chúng bạn!... Mạnh ngừng nói để rít một hơi thuốc lào, đoạn chép miệng: – Chẳng những thế, cái đời cạo giấy còn nhiều nông nổi đáng chán không biết chừng nào! Nó bằng phẳng quá, nó lặng lẽ quá! Quanh năm suốt tháng, không một thay đổi, không chút mới lạ; người ta làm việc như một cái máy, thế thôi!...

Khải chán chường:

– Chẳng cứ một nghề cạo giấy! Nghề nào cũng có chỗ đáng chán và những cái khốn nạn của nó, một khi sự làm việc cứ chỉ là một bất đắc dĩ do cái cần dùng vật chất, và hết thảy cứ phải sống trong cái tình trạng nó bắt buộc người là một con chó sói cho người.

– Khải nói đúng đấy! Cái đời của bất cứ ai, thử hỏi có một ý nghĩa nào khác hơn là hành động bất lương để cầu lợi cho mình bằng cách hại kẻ khác? Ấy là chưa nói sự hành động bất lương ấy thường vị tất đã có được những kết quả như nguyện. Lắm lúc chán quá, tao muốn vứt bỏ nó cả công việc đấy mà chơi vung một độ rồi chết thì chết!...

Mọi người cười:

– Nói như thằng Nhân cũng được! Nghiện thuốc phiện chẳng qua là một cách chạy trốn cuộc sống, như trăm nghìn cách khác. Chúng mày thử xem: thằng nào múa may quay cuồng mà lại không là để quên sự sống? Thằng thì vợ vét của mồ hôi nước mắt của kẻ khác, thằng thì đi kiện, thằng thì đánh bạc, chơi gái, uống rượu chạy theo hư danh, hoặc rộng tay ra nữa thì làm chính trị, gây chiến tranh. Không có gì là tầm thường, cũng không có gì là quan trọng ráo. Tất cả chỉ là trốn tránh cuộc sống được chừng nào hay chừng nấy, để đừng phải nhìn tận mắt nó, đừng phải bắn khoăn vì nó, thế thôi!

Một sự im lặng nặng nề tiếp theo câu Mạnh nói. Và, buồn rầu, Khải tự hỏi: với một tình trạng tinh thần như thế, còn có thể có một tội ác nào mà thanh niên

không dám nhúng tay vào.

Trang cất tiếng để phá cái buồn tẻ đè lên cuộc hội họp:

– Các anh thử tưởng tượng cái trận bom do các phi công Đức dội xuống kinh thành Luân Đôn vừa rồi xem?... Từ chập tối đến rạng đông hôm sau... Trời đất!...

Xuân nhóm dậy:

– Suốt một đêm trời rờn rã như thế, chúng mày thử tính xem bao nhiêu vạn người chết, bao nhiêu vạn người tàn tật, bao nhiêu vạn người phát điên vì hoảng sợ? Ấy là chưa kể các nhà cửa, các trường học, các thư viện, các nhà thương bị tàn phá! Tao cho chúng nó cứ đánh nhau mãi, loài người sẽ không có lịch sử nữa, vì bao nhiêu tài liệu bị thiêu hủy mất cả...

– Bây giờ sẽ quay trở lại cái thời kỳ dã man, và người ta sẽ sống theo cái luật của cầm thú: con nào mạnh con ấy được!

Trang nói lời Mạnh:

– Cái số vàng bạc hao phí vào chiến tranh có thể dùng để xây cho mỗi làng trên khắp thế giới một trường học, một nhà thương, một nhà máy xà phòng kèm thêm một giếng nước nữa...

– Hẳn đi chứ lại! Và...

– Muốn mưu hạnh phúc chung cho cả loài người, – Khải ngắt lời Nhân – ai nấy, trước hết, phải thôi lấy cái tôi của mình làm trung tâm điểm của vũ trụ đã. Chính cái quan niệm «duy ngã độc tôn» ấy là nguồn gốc của hết thảy mọi thống khổ nhân sinh. Chính nó biến cuộc sống thành một tranh đấu tàn khốc giữa

người với người, trong khi cuộc sống chỉ có nghĩa là sự tranh đấu giữa người với tạo vật!...

– Hùng hồn lắm! Nhưng, hãy làm điều này đã...

Khải ra hiệu cho Xuân cứ hút, chàng tiếp theo:

– Không cần phải bình luận đâu xa, cứ lấy cái đời cá nhân của mỗi người trong bọn ta mà xét thì đủ rõ cái nguyên tắc «hãy cho mình trước đã» là đáng sợ biết chừng nào. Cái ví dụ thảm thương nhất là cái trường hợp Trung Trang. Đời sống mỗi người, cứ đổ đồng mà tính, bất quá năm mươi tuổi là cùng. Thì đã mất hai mươi năm năm vào sự ngủ. Lại cộng tất cả ốm đau, thổ tả, khí gió, độ mười năm, với mười năm nhọc nhằn điều đúng bởi cái ăn cái mặc. Chung quy

còn năm năm. Trong khoảng thời gian sáu mươi tháng được ung dung giữa một khung cảnh vô cùng tráng lệ, ta có sao không yêu nhau, hòa hợp với nhau để cùng hưởng lấy những khoái cảm do cái Đẹp nó đem lại cho tâm hồn. Ta có sao cứ làm tình làm tội nhau, nghĩa là tàn hại nhau để tranh lấy những cái mà, khi nhắm mắt tắt hơi, chẳng ai có thể đem xuống mà được?

Sự căng thẳng của tâm trí làm cho Khải run lên như trong một cơn sốt rét nhẹ. Là vì, tuy chàng nói với bạn, những lời trên đây, đối với chàng, lại chính là những nhát răng cuối cùng để con ngài chui hẳn ra ngoài cái kén tối tăm và chật chội.

Khải nắm lấy chai nước lọc đặt trên cái bàn gần đấy và uống thẳng một hơi, như để dập tắt ngọn lửa đang bùng cháy

trong ngực chàng. Chàng cảm thấy một rung động nhẹ và khoan khoái chạy lướt dọc theo chiều xương sống. Ô, tấn bi kịch trong tâm hồn chàng, có lẽ đến đây là chấm hết. Chàng sẽ bước sang một đoạn đời mới mẻ, đầy tranh đấu, đầy gian lao, nhưng mà sáng sủa và cao quý, và xứng đáng biết bao nhiêu với một kẻ trí thức đã tự nguyện hy sinh cho nền văn hóa, cái thú văn hóa chân chính bởi vô cùng nhân đạo.

CHƯƠNG 8

Vợ chồng Khải dọn vào ở ngôi nhà mua lại của ông Cả Tú thẩm thoát đã được một năm trời.

Thoạt đầu, chàng chỉ lấy sự chăn nuôi trồng cấy làm cách để đi tới một tình trạng vật chất dễ chịu hơn. Cái mục đích ấy, chẳng bao lâu đã được nâng cao lên nhiều lắm: Khải dùng việc canh nông để gần gũi và hiểu biết người dân quê, mà số đông chiếm đến chín mươi phần trăm số dân nước Việt Nam.

Hồi mười năm về trước, Khai, nhân khai phá khu đất xã Linh Sơn, đã có dịp đụng chạm tới đám bình dân. Tiếc rằng Khai đã nhìn họ theo một quan điểm khác. Chàng không làm vậy nữa: nông phu thế nào chàng cứ thế mà nhận xét, không chủ quan đã đành nhưng cũng không lạc quan đến tự dối mình bằng những ảo tưởng về tâm tình họ, hoặc đến quên lãng những trở lực không sao tránh khỏi, khi ta mưu toan cải thiện một sự vật hay cải thiện con người.

Khai bắt đầu đến với họ bằng cách tự đặt mình xuống cái trình độ trí thức của họ. Các tin tưởng, các thói tục, cách làm ăn, cách chiêm nghiệm thời tiết, cả các vật dùng của họ, như cái cày, cái bừa, Khai đều để yên, không hề gợi ra một vấn đề cải lương nào. Thảng hoặc có ai tò mò hỏi chàng về sự chọn hạt giống, sự dùng

phân hóa học, các phép nuôi gà nuôi thỏ theo Thái – Tây, Khải chỉ mỉm cười. Thái độ này được các ông già bằng lòng lắm. Họ như bảo chàng: “Hãy yêu quý cái gì mà bọn ta đã tin lương hảo, hãy tôn thờ cái gì mà bọn ta đã tôn thờ, rồi thì anh sẽ được coi là cùng bọn với chúng ta, mặc dầu anh đội mũ và mặc quần áo tây, mặc dầu anh không nói đúng cái thứ tiếng mà chúng ta đương nói”.

Chàng không từ một bữa rượu, dù là do khao cử, sự xin cưới, sự ma chay, sự bái thần cầu phúc. Chàng lại cũng thiết đãi họ luôn: còn lúc nào người ta dễ thân nhau và dễ cởi mở tâm tình với nhau bằng lúc men rượu đã ngà ngà! Khải cho rằng tất cả cái tai hại đều do chỗ bọn thượng lưu trí thức đã tự xa dân chúng một cách quá ư đột ngột. Thực tế, chàng đã có dịp quen biết bao nhiêu người tâm

trí rộng rãi, học vấn uyên thâm, những người rất cao quý và rất nhiều khả năng làm việc cho công ích, mà sự hành động, rút lại, chẳng nên được kết quả gì, chỉ bởi họ đều là những người đã mất gốc, những người ngoại quốc nói tiếng Việt Nam, đối với quần chúng.

Đã xa lạ nhau, đã chẳng đồng cảm đồng tình, bọn trí thức dù hiểu rõ các nhu cầu và các đau khổ của bình dân chẳng nữa, bất quá là do sự lý luận nhạt nhẽo và lạnh lẽo. Và, như thế chưa gọi là đủ được. Phải cần đến cái sinh lực mà ta gọi là trái tim, phải cần đến cái nguyện vọng nó khiến ta chọn một trong ngàn vạn con đường và nhất định sẽ không đi chệch sang con đường khác nữa.

Tâm hồn kẻ nông phu, hiện giờ, đã thôi là một bí mật cho chàng. Và tấm cảm tình đối với họ càng tăng gấp bội. Chàng

nhận thấy rằng, nếu thường được ngắm đầu trông ánh sáng, người nông phu sẽ tỏ ra biết xúc động một cách sâu xa. Cái khả năng tình cảm ấy, hằng ngày, vẫn phát hiện bằng sự kiên quyết, sự nhẫn nại, sự hăng hái nhờ đó họ dù sao vẫn cứ tha thiết sự sống và cứ vui vẻ tươi cười được. Gặp những cơ hội lớn lao của lịch sử, khả năng kia lại chính là lòng yêu đất nước, sự can đảm, sự trung thành và sự coi thường cái chết. Tiếc thay, những đức tính hồn nhiên ấy đã bị cùn nhọt mất cả, bởi sự dốt nát thế truyền, sự cực khổ quá độ, sự bạc đãi, sự khinh nhờn cam chịu. Tâm trí bình dân, như chàng đã nói, quả đã là một bãi đất hoang đầy cỏ xấu.

Bãi hoang ấy cần được sửa sang ngay tức khắc và việc này chính là cái phận sự của trí thức, của chàng.

Kẻ bình dân hiện đau ốm về tinh thần nhiều quá, tuy chưa đến nỗi chết mà thực là trầm trọng:

Trước hết, ấy là sự mê tín, di tích của những thời xưa. Lý trí loài người, về những thời xa xôi ấy, còn yếu ớt quá bởi thiếu kinh nghiệm, nên người ta mới tin rằng, ngoài mình ra, còn có những sức mạnh thiêng liêng khả dĩ tác họa tác phúc cho mình được. Chẳng hạn như dịch tả, đáng lẽ chỉ được kể là một bệnh do thiếu vệ sinh hoặc do sự kham khổ thái quá, nó, trái lại, đã thành ra sự nhiều hại của quan Ôn. Người ta không tiêm thuốc để phòng, người ta cứ ăn quả xanh, rau sống và uống nước bẩn, và sắm lễ vật cúng đón thầy bùa! Dân quê lúc nào cũng sợ vợ sợ vắn các tà ma tưởng tượng, không hiểu rằng tà ma chỉ là con

đẻ của sự dốt nát. Và, bởi thế, cần phải giảng ngay cho họ rõ: Chỉ có lý trí của loài người; cái thế giới ta ở đây, và cả cái quan niệm của ta về vũ trụ nữa đều do lý trí ta gây dựng, xếp đặt nên mà phát sinh ra. Ngoài sự động tác của lý trí ấy, vũ trụ chỉ là một mớ các sức mạnh mù lòa như bão táp, lụt lội, cháy rừng, động đất, đói hoang, bụi rậm, ác thú, rắn rết, mà người đương tìm cách trừ khử hoặc sai khiến để mưu lợi cho mình.

Rồi đến sự ham hư danh. Người ta, kể cả dân quê, sở dĩ phải bám riết lấy những cái hảo huyền, ấy chính bởi không nhận rõ cái giá trị đích thực của mình. Nếu bình dân hiểu cái phẩm giá và giá trị của họ, họ sẽ không cần đến hư danh nữa. Và, một khi đã biết hư danh là một cái gì nực cười, họ sẽ vứt bỏ được sự tranh

ngôi thứ, sự kiện tụng nó xô họ vào nanh vuốt của bọn chủ nợ, bất nhân và đáng giận.

Công phu mồ hôi nước mắt của bình dân không bị mất vào tay kẻ đầu cơ, sẽ dùng để nuôi bình dân. Phú quý sinh lễ nghĩa: cái bụng đã no rồi, cái thân đã ấm rồi, bình dân sẽ bắt đầu học quen suy nghĩ để biết rằng quốc gia chính là cái công chuyện của họ, rằng cuộc đời chỉ thuộc về kẻ nào làm lụng vất vả, rằng sự cần lao không phải chỉ tạo nên cơm áo, còn tạo nên một cái gì lớn lao quý báu hơn: lòng tin mà người có thể có được óc khôn, ở lẽ phải, ở sứ mệnh của mình là xếp đặt cuộc sống sao cho xứng đáng với mình, và trang hoàng cho trái đất bằng cái vẻ đẹp của lẽ công bình và lòng bác ái.

Ngoài những lúc giao du thân mật với dân quê, ngoài những lúc bận về công việc với hoa màu và nuôi con giống, Khải đem hết thời giờ vào sự đọc sách, không phải để quên hiện tại, để lừa dối những bản khoăn vơ vẩn của lòng chàng như khi trước.

Chàng chuyên chú về lịch sử: Lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới, về xã hội học, về kinh tế học v.v... Tiểu thuyết, chàng chỉ tìm tác phẩm của Léon Tolstoi của Féodor Dostoiewski, của Honoré de Balzac. Tháng nào, chàng cũng bỏ ra một món tiền gửi mua sách, và quyển nào đã mua về là chàng đọc suốt từ đầu chí cuối một cách kỹ càng.

Trong cái xã hội gọi là thượng lưu của tỉnh nhà, Khải không được yêu, mặc dầu vẫn có một số người quý trọng chàng. Khải nghịch với họ, với quyền lợi

của họ nên họ lảng xa chàng, kẻ này cho chàng là kiêu ngạo trong khi kẻ kia cho chàng là gàn dở.

Và Kim nữa, chính nàng cũng nhiều khi bức mình với Khải. Nàng lấy làm lạ thấy chàng lẩn lóc với bọn nhà quê. Nàng không thể hiểu được những cái vui buồn mà chàng nhận được của cái nhân loại đối với nàng, thực hoàn toàn xa lạ. Nàng không rõ tại sao, dậy từ sáng sớm và sau khi đã la cà suốt buổi ở ngoài ruộng trên nương, từ nhà này qua nhà khác, chàng bao giờ cũng trở về với một vẻ suy nghĩ. Nàng coi như là một vô lý cái bản khoản đến chệnh mảng cả ăn ngủ của chàng; khi có một người thợ cày bỗng ngã lăn ra trên mặt ruộng vì say nắng, hoặc khi một đám mây đằng chân trời tan mất. Lại còn cái thói cứ dánh mũi xuống trang sách nữa! Một khi sự học

đã không mang đến cho chồng nàng một địa vị xã hội và những vẻ vang, những quyền lợi hiển nhiên do địa vị ấy, Khải còn cứ học để làm gì? Đói, có đem sách ra mà luộc ăn trừ bữa được không! Còn văn chương? Ôi chào! Ấy chẳng qua là một thứ trò chơi vô ích, bởi nếu không thế, chồng nàng đã được người ta trọng vọng, ít ra cũng như đối với thầy phán tòa Sứ. Nhưng mà, nói trắng ra, cái nó làm cho Kim bức mình ấy, chính là sự nàng ngờ Khải hững hờ với con, với vợ. Về phần nàng, đã đành Kim nói ra không tiện, song nàng không thể không nhắc chồng nàng về cái bốn phận một người cha được.

– Cậu lạ quá! – Kim nói bằng một giọng dần dỗi – Ai lại quanh năm suốt tháng cậu chẳng sờ mó chi đến sách vở của chúng nó xem chúng nó học hành ra

làm sao. Tôi tưởng những cái hơi lo việc người, những thời giờ chạy nhăng nhít hoặc chúm đầu vào quyển sách thà để dạy bảo, kèm cặp cho đàn con lại hóa hơn. Cậu không biết chú thằng nhớn dạo này học hành đụt quá, ông đốc đã phải kêu ra miệng rồi đấy!...

Khải nhìn vợ, và mỉm một nụ cười ranh mãnh.

Kim hơi đỏ mặt, cố vùng vằng để tỏ rõ cái tính nghiêm trọng của câu chuyện:

– Vợ chồng hể động nói với nhau câu gì là y như cậu gắt gỏng nếu không thì lại chót nhả. Tôi chỉ cảm hấu tắc cổ ngay đi thì xong!

– Chà, nói đại dột nào!

– Thật đấy, ai ở vào địa vị tôi cũng phải tức!

– Tôi hỏi thực nhé: mợ muốn tức hay muốn nghe tôi nói?

Kim nín lặng.

– Nếu mợ ngờ rằng, tôi bỏ liều các con thì mợ lắm to! Lưu tâm lắm chú! Có điều, tôi quan niệm về sự học hành và về sự giáo dục khác hẳn mọi người...

Chàng nhắc cái điều làm một hơi thuốc lào; đoạn, vừa thở khói chàng vừa ung dung tự đáp:

– Sự dốt nát của người dân quê không có nghĩa là thiếu cái học. Sự dốt nát ấy chính là cái sức sống ở họ bị đè nén, bị cám dỗ bởi các ý tưởng trá ngụy, các mê tín, các hư vinh hợp với thói quen ghen ghét, tham lam, thù oán nó là kết quả của cái quan niệm sống: một là ăn người hai là người ăn, mợ đã hiểu chưa?...

Kim bật cười vì cái giọng hỏi cố làm ra ông tướng của Khải.

Bây giờ, Khải nạp điều thuốc Lào khác, tôi lại quay về câu chuyện đóng cửa các trường học...

– Hút đi đã!

– Tại sao – Chàng hơi choáng váng bởi khói thuốc – ta lại cứ muốn sai khiến kẻ khác bằng những ý tưởng nó đã sai khiến ta, mà ta đã bắt đầu nhận thấy là sai lầm? Tại sao chúng ta cứ nhất định nhồi bằng được vào óc trẻ những cái không phù hợp, không dính líu chút nào với cái thực tại quanh ta? Cái ý tưởng đóng hộp sẵn chính là thứ vi trùng nguy hiểm nhất cho nhân loại. Ý tưởng chính hiệu phải nảy ra, mơn mớn và luôn luôn biến hóa như cái lá cây chẳng hạn. Mục đích của sự học không phải để biết mà

để sống. Đứa trẻ không phải chỉ có một việc làm là cấp sách đến trường để nhận lấy một mớ các điều biết sẵn về cuộc đời và về vũ trụ. Nó phải tự lo kinh nghiệm về cuộc đời, về vũ trụ. Cách nhìn của nó không là cái nhìn của ta. Không có một cách nhìn nào là độc nhất và nhất định cả. Tóm lại, ta chỉ nên dạy cho trẻ biết cử động, biết làm lụng. Và, ngay các cái ấy, ta cũng chỉ nên dạy chúng qua loa, còn mặc chúng tự dạy lấy. Người lớn không thể biết được cái thông minh của đứa trẻ là cái gì. Người lớn, vì vậy, mới hay can thiệp và bắt ép con trẻ nhận cái cách nhìn và hiểu của mình. Ấy thực là điều tối kỵ. Tôi luôn luôn tỏ ra như quên chúng nó, vì tôi không muốn lúc nào cũng là một ám ảnh khó chịu cho chúng nó. Tôi không muốn chúng nó thụ động như những cái máy. Cuộc đời không phải là một cái gì dùng cho những cái máy. Cuộc đời là

gồm các vật sống hiển nhiên và đầy đủ. Tôi không có quyền lấn sang cái phạm vi sống của chúng nó, mặc dầu chúng nó là con tôi. Một sự di truyền đã nặng nề cho chúng nó nhiều rồi!...

Tiếng con chó lòi sủa bỗng ngắt đứt cái mạch giảng thuyết của Khai. Chàng ngẩng đầu: một người phu trạm, chàng đứng phắt dậy, xuống thêm, nhận một phong thư và chăm chú đọc những chữ đề trên phong bì...

Kim hỏi:

– Thư nào thế, cậu?

– À, của mấy ông bạn làng văn... lâu lắm mình mới được tin của họ!...

CHƯƠNG 9

Các anh,

Tôi đã đọc thư của các anh và tôi đã rất cảm động, bởi vì rằng các ý tưởng và những tình tự giải bày trong thư ấy, tôi đã từng qua cả rồi.

Lâu lắm chúng ta không có dịp trao đổi ý kiến riêng cho nhau về văn chương, chính trị, xã hội, tóm lại là về những cái quan thiết đến đời sống cá nhân của chúng ta và của cả mọi người. Tôi, vì thế,

sẽ định nói nhiều với các anh; trong lần trả lời này, nói nhiều nhất về câu chuyện văn chương và nhà văn chúng ta.

Nhưng trước hết, tôi hãy cảm ơn các anh: Đời vật chất của tôi, trong một năm trời nay, quả có dễ thở đôi chút, mặc dầu còn xa lắm để mới có thể nói được là đã qua khỏi cái vòng khổ cực.

Ồ, sự khổ cực của văn nhân! Người ta, và cả chúng ta nữa, đã nói dài về cái ấy, hoặc bằng một giọng xót thương che chở, hoặc bằng một giọng giễu cợt khinh nhờn, hoặc bằng một giọng phản uất kiêu căng. Giọng nói có khác nhau mà đều ngụ một thành kiến coi sự khổ cực của văn nhân là một cái gì gần như một nghiệp dĩ, một cố ý thiêng liêng nào đó, bởi lẽ tài hoa vốn là cái lụy ngàn đời.

Tài hoa nếu thực là cái lụy ngàn đời, ấy chẳng qua vì khách tài tình vẫn tự coi mình là những hiện tượng đặc biệt và, do đấy, tự cho mình cái quyền sống ra ngoài khuôn khổ thường tục, sống nghịch với lễ thói của phần đông. Thái độ này, ta chưa cần phán đoán là hợp lý hay vô lý. Ta hãy chỉ nhận một sự thực: Nó đòi nghệ sĩ một can đảm không phải nhỏ. Thường thì, văn nhân nếu đã bị cực khổ, ấy chính tại văn nhân đã hiểu nhầm cái chức vụ của mình mà không tự biết.

Thực vậy, ta đã nhầm to về cái chức vụ của ta, các bạn thân yêu ạ! Ta đã chỉ dùng tài năng học vấn, và kinh nghiệm của ta vào sự tô điểm cho cái đời phù phiếm, vào võ về những kẻ no lòng ấm cật để chúng khuây khỏa những phiền muộn nhỏ nhen của đời, chúng ta đã cam tâm tự hiến làm những vú em có

thắt ca vát cho các nàng tiên son trẻ và còn gì nữa!...

Thoạt đầu, các công việc nói trên dù sao cũng đã cho ta ít nhiều cái lợi, kể cả cái ảo tưởng rất phỉnh phờ về quyền lực tinh thần của nhà văn. Nhưng mà sự thất vọng đã đến mau quá trong lòng ta, mau đến nỗi nhiều anh em ta đâm bỏ ngõ, và không thể tự cắt nghĩa vì sao nên thế!

Còn vì sao, nếu chẳng vì cái thói ẻo ẹo bất nhất của tội nhân cư?

Sống trong sự dậm dật, trong sự chán búa, chúng làm gì còn biết có nhu yếu nhất là các nhu yếu tinh thần! Văn hóa, bởi vậy, đã thôi là một sự cần dùng cho chúng. Thi ca, âm nhạc, văn học, mỹ thuật, đối với chúng, đã thôi là những phương tiện giáo dục, đã bị coi là những cách mua vui. Cách mua vui nào mà

dùng mãi thì cũng thành vô công hiệu. Chúng bắt đầu xa nghệ sĩ, bởi bọn này không thể còn an ủi chúng, không còn gây mộng vàng và cung cho chúng được những cái “rùng mình mới lạ”. Chúng đi tìm thú vui ở tiệm nhảy, ở chợ phiên, ở ngoại tình, ở bài bạc, ở tiệc tùng, ở một, ở các thầy tiên tri mà các lời quảng cáo bịp đời hiện nhan nhản trên mặt báo. Thế là những cuộc phô diễn, những scène cướp bóc rùng rợn của màn ảnh cứ thay dần vào các tiểu thuyết vĩ đại như Anna Karénine, Crine et châtiment, À mes mortes, Comédie humaine và La mère; các điệu kèn fox trot, rumba thay dần vào các bản đàn của Chopin, Wagner và Bethoveen.

Trong tình trạng ấy, đời sống của văn nhân, nghệ sĩ trách nào chẳng gieo neo, khốn quẫn! Ta đã mất cái địa vị chân chính của ta: những tay sáng tạo văn hóa.

Ta không an ủi nữa: ta cần được an ủi. Cái vai an ủi tội vô công, tội chán búa đã trở nên một việc không những bạc bẽo mà còn nguy hiểm nữa, bởi trong bọn ta đã lác đác có vài ba người nói xấu chúng.

Nhưng này, hình như từ nãy các anh nóng nảy muốn phản đối lắm thì phải? Lời phản đối đã nhảm, bởi đã bị dùng đi dùng lại nhiều lần quá (xin thú thực rằng chính tôi, trước kia cũng đã dùng đến nó): văn chương quý nhất ở thành thực! Nhà văn cảm xúc bởi sự vật thế nào nên cứ viết ra như thế; và như thế nhà văn đã làm trọn cái chức vụ của mình. Đồng ý. Khốn nỗi có sự thành thực của kẻ bị nô lệ cũng như có sự thành thực của người tự do, và điều phân biệt này là rất cần.

Chúng ta, vì gia đình, vì học đường, vì tôn giáo, đều là những nô lệ của các cách ý niệm sự vật, cách cảm xúc và cách

phô diễn của ông cha chúng ta. Và, kể trong ngàn vạn trạng thái nô lệ, sự nô lệ tinh thần là cái nguy hiểm nhất bởi khó gỡ.

Tại sao, sống ở giữa cái thời của vô tuyến điện, của phong bì tem, chúng ta, lúc làm thơ, lại cứ:

Nhạn lảng chân trời, kẻ đợi thư?

Tại sao, chúng ta hằng ngày tiến chân nhau ra bến ô tô, ga xe lửa, mà chúng ta vẫn cứ nao nao lên được với những câu:

Ngoài đầu cầu, nước trong như lọc,

Đường bên cầu, cỏ mọc còn non.

Đưa chàng, lòng rượi rượi buồn:

*Bộ khôn bằng ngựa; thủy khôn bằng
thuyền.*

và

Vẫy tay, thôi đã rời xa...

*Nhớ nhau nhạc ngựa nghe mà buồn
tênh!*

Các anh thử đọc những văn thơ xuất bản trong vòng hai chục năm gần đây mà xem: toàn sáo, kể từ sự phô diễn cho chí đề hứng! Quanh đi quẩn lại chỉ có: chàng, nàng, vui xuân (mặc dầu xuân ở ta là bùn lầy, là mưa bụi), buồn thu (mặc dầu thu Bắc Kỳ là trong sáng, là dịu dàng nhất trong bốn mùa), oanh vàng, liễu biếc và... hết! Thực là nghèo nàn đến thảm hại! Thực là trơ đến lỗi!

Tại sao thế?

Tại các ý tưởng thường có cái năng

lực độc địa là sống sót lại sau các điều kiện đã phát sinh ra nó. Ví dụ: cái triết lý chán đời của Phật Tổ, nó ăn sâu vào tâm hồn Á Đông, dù ở ngay những tầng lớp bình dân không biết chữ. Chính cái triết lý coi thế giới chẳng qua là một bào ảnh ấy nó làm cho sự hoan lạc của ta không bao giờ đến tột tĩu; nhưng, đồng thời, nó lại khiến tất cả những vui thú của ta phải đượm một chút buồn. Do đấy, ta mắc thói quen lười biếng và nguội lạnh, bởi đã tin rằng thế sự là vô ích, vô nghĩa, vô thường.

Cuộc trần thế, công danh chẳng thiết;

Áng phong lưu, hoa nguyệt đã thừa.

Rồi thì ta đắm vẩn vơ:

Nhớ mình, ra ngẩn vào ngơ,

Trông mây ngắm nước, nay chờ mai

mong,

Mong giáp mặt, mặt không giáp mặt;

Chờ tin thư, thư mất tin thư!

Tháng ngày thấm thoát thoi đưa!

Tuổi ba mươi, lại đã dư một vài!...

Vẫn mơ mộng cho đến lúc tuổi già xồng xộc đến sau lưng rồi, ta mới vội vàng nhả xổ vào cuộc hành lạc để hưởng thụ vớt lấy hiện tại, viện cớ: hãy yêu cái gì chẳng bao giờ thấy được hai lần! Thế là, người ta đã trơ trên sống một đời vô ích, một đời ăn báo hại, và còn chửi đời là bạc bẽo mà không ngượng miệng! Ấy, chính là cái lúc này, chúng ta hay nảy ra nhiều ý tưởng hỗn loạn nó là cái kết quả của một tình trạng đầy mâu thuẫn, trong đó con người bị ngạt thở, đâm ra mơ màng sự phá hoại tất cả để được tự do hoàn

toàn. Tội ác bắt đầu được thả lỏng, tội ác không căn cứ ở các nhu cầu vật chất mà ở sự “nản sống” nhiều hơn, ở sự tò mò các cảm giác lạ. Người ta, ngay trong sự ăn uống, nhất định không làm theo cách thường nữa. Phải rượu say chết thôi, rồi đập phá, rồi nói đểu, rồi nôn, rồi cười như một lũ rô trên đồng mảnh vụn của bát đĩa, cốc tách lẫn với các món ăn do dạ dày trả lại. Cái phong trào lập dị này đã đẻ ra một lối văn chương quái gở, ngỗ ngược, sỗ sàng và đầy hơi thở địa ngục,

Giờ tôi bàn đến điều phàn nàn thứ hai của các anh: sự ghen ghét, sự bới xấu, và sự vu cáo nữa, tất cả đã thành “những thú tiên thông bảo” trong cái thế giới nhà văn chúng ta.

Các thói hèn mạt ấy không có gì khó hiểu.

Đó chỉ là do sự nhận lầm sứ mệnh văn nhân của chúng ta mà ra, như tôi đã nói. Thực vậy, từ cái chỗ đem văn chương làm trò giải trí cho kẻ có tiền đến cái tâm lý phỉnh nịnh để mua sự tin dùng của kẻ có tiền, hai đằng chỉ xa nhau một bước. Và, một khi quyền lợi đã lên tiếng, các thú tính tất nhiên được sống xích ngay tức khắc. Người ta bới xấu nhau, người ta vu cáo cho nhau, làm như sống trong tình trạng này, con người có thể trong trắng được. Hãy kiểm soát lại lương tâm rồi sẽ ném đá vào kẻ có tội, Jésus Christ nói câu ấy; đã tỏ ra mình là bậc thi sĩ thâm trầm nhất của loài người!

Nhưng này, các bạn yêu quý của tôi! Không cái gì là vĩnh viễn ở đời được mãi! Ngày nào văn nhân và nghệ sĩ được trả về cái địa vị những kẻ sáng tạo văn hóa, cái ngày ấy, chúng ta dù chẳng cầu

mong, các thói xấu kia tự chúng sẽ không còn. Có điều, như Jules Michelet đã nói, tương lai không phải là cái có sẵn mà ta chỉ việc mong chờ, ta phải tạo ra tương lai.

Ta phải tạo ra tương lai, chính thế!

Bằng cách nào? Bằng cách phá hoại cho bằng hết những ảnh hưởng còn sót lại ở ta của cái thế giới cũ, và tự biến đổi ta thành những người mới, khả dĩ ứng dụng cho sự xây dựng một tân văn hóa. Công cuộc tự phá hủy và sự cách tân ấy là một cái gì rất khó khăn. Tuy nhiên, theo ngôn ngữ Tây phương, chiến thắng mà không nguy hiểm, thành công còn vẻ vang gì?

Nay kính

Nguyễn Khải

